



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 04 đường 30 tháng 4, Phường 1
Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN

TÓ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý vị cổ đông và các nhà đầu tư thân mến,

Năm 2010, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi lạc quan, cụ thể GDP của Việt Nam đã tăng trưởng ở mức 6,78% cao hơn so với năm 2009 là 5,32%. Nhưng chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng sự phục hồi đó vẫn chưa ổn định mà còn tiềm ẩn nhiều bất ổn và biến động khó dự đoán như: lạm phát và nợ công tăng cao, tỷ giá ngoại tệ và giá vàng biến động mạnh vào những tháng cuối năm, nhập siêu, thâm hụt ngân sách...

Riêng ngành Dược, là ngành có mức tăng trưởng đầy tiềm năng: trên 20% và tổng giá trị tiền thuốc đạt gần 2 tỷ USD (theo số liệu nghiên cứu thị trường) trong năm 2010. Tuy nhiên, năm 2010 cũng đánh dấu nhiều hiệp định hợp tác song phương, đa phương theo cam kết với WTO có hiệu lực. Các Công ty Dược đa quốc gia chính thức được quyền nhập khẩu trực tiếp và phân phối thuốc tại Việt Nam, do đó đã tạo nên một thị trường Dược phẩm cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Ngoài ra, sự biến động liên tục về tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu cho sản xuất tân dược đã ảnh hưởng đến chi phí đầu vào tăng mạnh trong khi giá sản phẩm đầu ra luôn chịu sự kiểm soát rất chặt chẽ của các cơ quan chức năng, gây không ít khó khăn cho ngành công nghiệp Dược Việt Nam.

Mặc dù có nhiều biến động về kinh tế nêu trên và rất nhiều khó khăn khác đối với ngành dược Việt Nam, nhưng với định hướng đúng đắn trong chiến lược phát triển ổn định và bền vững Hội đồng Quản trị tập trung nguồn lực vào các hoạt động chính yếu của sản xuất và kinh doanh Dược phẩm. Cùng với sự điều hành linh hoạt và hiệu quả của Ban Tổng Giám đốc, tinh thần quyết tâm của toàn thể đội ngũ cán bộ CBCNV, sự ủng hộ và đồng thuận của các nhà đầu tư, quý cổ đông, tôi vui mừng xin thông tin đến toàn thể quý cổ đông và các nhà đầu tư rằng Imexpharm chúng ta đã thực hiện thành công vượt bật các chỉ tiêu năm 2010 mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đánh dấu 10 năm phát triển liên tục và bền vững từ khi cổ phần hóa đến nay. Cụ thể: tổng doanh thu đạt 777 tỷ đồng, tăng trưởng 9,75%; lợi nhuận trước thuế đạt 98 tỷ đồng, tăng trưởng 21,85% so với năm 2009.

Một trong những mục tiêu quan trọng của chiến lược phát triển nhiệm kỳ 2008 – 2012, năm 2010, Imexpharm đã chính thức đưa nhà máy Cefalosporin tại VSIP II - Bình Dương đi vào hoạt động sau gần 02 năm tập trung đầu tư. Với kinh phí hơn 113 tỷ đồng, đây là nhà máy được đầu tư theo tiêu chuẩn và công nghệ Châu Âu, sản xuất các loại thuốc uống và tiêm bột thuộc nhóm Cephalosporin thế hệ mới vừa được tập đoàn Novartis – Thụy Sĩ đánh giá trong đầu tháng 3/2011 vừa qua.

Hệ thống nhà máy mới này đi vào hoạt động không những tạo đòn bẩy hiệu quả cho tăng trưởng doanh thu trong những năm tới mà còn thúc đẩy thực thi hiệu quả chiến lược trở thành đối tác uy tín hàng đầu tại Việt Nam trong sản xuất nhượng quyền và sản xuất liên doanh với các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia như: Sandoz (Novartis-Thụy Sĩ), Pharmascience – Canada, Sanofi-Aventis - Pháp, ACS Dobfar – Ý, Chemo – Tây Ban Nha, Robinson – Mỹ, DP Pharma – Pháp...

Song song đó, Imexpharm tập trung đầu tư chiều sâu cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Năm 2010 Imexpharm đã đưa ra thị trường 25 sản phẩm nhóm đặc trị tim mạch, tiểu đường và các sản phẩm kháng sinh thuộc nhóm Penicillin và Cephalosporin thế hệ mới với công thức bào chế và quy trình sản xuất ổn định, nâng tổng số lượng sản phẩm Imexpharm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành trong nước và ngoài nước 300 sản phẩm.

Năm 2011 là một năm không thuận lợi đối với nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Chúng ta bước vào năm mới với lời cam kết từ Chính phủ là sẽ không tăng giá các mặt hàng thiết yếu như điện, xăng dầu... để kiềm chế lạm phát và đạt mức tăng trưởng GDP từ 7 – 7,7%. Tuy IMP Báo cáo thường niên 2010

nhiên, việc điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ, tăng giá xăng dầu, giá điện... trong quý 1 năm 2011 vừa qua đã làm cho hàng loạt chi phí đầu vào tăng mạnh. Không chỉ có vậy, lãi suất ngân hàng đang ở mức cao, vượt quá sức chịu đựng của doanh nghiệp, các chính sách quản lý chặt chẽ ngoại tệ cùng với xu hướng giá nguyên vật liệu ngành Dược tăng cao đã dẫn đến nhiều khó khăn hơn cho các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm khi 90% nguồn nguyên liệu phải nhập khẩu.

Với quan điểm thận trọng tiếp tục theo đuổi chiến lược: **CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ – BỀN VỮNG** mà nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông 2008 – 2012 đã đề ra cũng như trách nhiệm của một Công ty Dược phẩm đối với ngành, đối với nhà đầu tư và cổ đông, đối với cộng đồng và đặc biệt là đối với bệnh nhân trong tình hình kinh tế hiện nay, Hội đồng Quản trị định hướng phát triển sản xuất kinh doanh năm 2011 với tốc độ tăng trưởng vừa phải, đảm bảo tính bền vững với những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Khai thác hiệu quả các nhà máy đã đầu tư, đặc biệt nhà máy Cephalosporin.
- Hoàn tất đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc tiêm nhóm Penicilin đã thông qua ĐHĐCĐ thường niên 2009 để tạo đà cho chiến lược phát triển các năm sau, đặc biệt năm kết thúc nhiệm kỳ 2012.
- Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược sản xuất nhượng quyền và liên doanh với các tập đoàn Dược đa quốc gia.
- Tập trung phương án sản phẩm hiệu quả (nhóm kháng sinh thế hệ mới, nhóm tim mạch, tiểu đường) và thương hiệu các sản phẩm chủ lực. Đồng thời tiếp tục phát triển hệ thống bán hàng sâu và rộng (thị phần và độ phủ, mở rộng các chi nhánh đạt GDP trên cả nước).
- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí, quản trị hiệu quả các chỉ tiêu tồn kho, công nợ và dòng tiền nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty. Bên cạnh đó, theo dõi tình hình biến động kinh tế, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu để có giải pháp kịp thời.
- Lấy yếu tố con người làm năng lực cạnh tranh cốt lõi của Imexpharm. Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp đậm nét Imexpharm, nâng cao ý thức CBCNV trong tình hình khó khăn. Nâng cao năng suất lao động, tinh thần tiết kiệm của từng CBCNV.

Việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển 2008 – 2012 mà Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III đề ra. Vì vậy, chúng tôi mong rằng sẽ nhận được sự ủng hộ và đồng thuận cao từ quý nhà đầu tư, quý cổ đông để Imexpharm có thể thực thi hiệu quả nhiệm vụ kế hoạch của năm 2011 này.

Với giá trị cốt lõi và các thành công đạt được trong năm 2010, HĐQT & Ban TGĐ tin tưởng rằng Imexpharm sẽ tạo ra được các lợi thế cạnh tranh riêng biệt để luôn giữ vững vị thế là Công ty Dược phẩm hàng đầu trong nước, tiếp tục chiến lược phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả đảm bảo lợi ích cao nhất cho các nhà đầu tư, quý cổ đông, quý khách hàng và cho cộng đồng.

Lời sau cùng, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo từ Trung Ương đến địa phương, lãnh đạo Tổng Công ty Dược VN cùng các đối tác, các khách hàng, các đồng nghiệp, và đặc biệt chúng tôi xin phép được gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các nhà đầu tư, các cổ đông Imexpharm đã đóng góp và đầu tư cho sự phát triển bền vững của Imexpharm.

Chủ tịch HĐQT



TRẦN THỊ ĐÀO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Tên viết tắt: IMEXPHARM****Tên tiếng Anh: IMEXPHARM CORPORATION**

Vốn điều lệ: 116.598.200.000 VND (Một trăm mươi sáu tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng)

Trụ sở chính: Số 04, Đường 30/04, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 067.3851941

Fax: 067.3853106

Email: imp@imexpharm.com

Website: www.imexpharm.com

Giấy CNĐKKD: Số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 06 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Mua bán dược liệu
- Đầu tư tài chính

Sứ mệnh: "Cung cấp các giải pháp chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng"

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Tóm lược về công ty

Thành lập: Tiền thân của Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm là Xí nghiệp Liên Hiệp Dược Đồng Tháp, trực thuộc Sở Y tế Đồng Tháp, được thành lập tháng 9/1983, theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28/09/1983 của Sở Y tế Đồng Tháp. Tổng số CBNV là 70 người, sản phẩm của xí nghiệp lúc này được sản xuất bằng thủ công với khoảng 10 loại sản phẩm, doanh thu hàng năm khoảng 30 tỷ đồng.

Cổ phần hóa: Tháng 07/2001, là công ty đầu tiên của Tổng công ty Dược thực hiện cổ phần hóa, trở thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm theo quyết định 907/QĐTg ngày 25/07/2001 với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.

Niêm yết: Imexpharm là công ty dược đầu tiên được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 04/12/2006 theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY, với mã chứng khoán IMP.

2. Những sự kiện quan trọng

Năm 1997: Imexpharm là Công ty Dược phẩm đầu tiên của Việt Nam đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP ASEAN)

Năm 1999: Imexpharm là Công ty dược phẩm đầu tiên thực hiện sản xuất nhượng quyền cho tập đoàn, công ty lớn của Châu Âu (Biochemie).

Năm 2001: Imexpharm là Công ty dược phẩm đầu tiên trong Tổng công ty Dược Việt Nam thực hiện cổ phần hóa

Năm 2005: Imexpharm được Uỷ ban Quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen xuất sắc trong phát triển sản phẩm và thương hiệu tham gia hội nhập kinh tế Quốc tế. (QĐ số: 146/QĐ, 14/9/2005).

Năm 2006: Imexpharm là Công ty dược Việt Nam đầu tiên được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán là IMP.

Trong năm này đã thực hiện đầu tư và nâng cấp hai nhà máy Betalactam và Non Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP-WHO (Good Manufacturing Practices), phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP-WHO, hệ thống kho theo tiêu chuẩn GSP-WHO.

Năm 2007: Chứng minh thành công "Tương đương sinh học" kháng sinh Imeclor 125 mg (chứa Cefaclor).

Năm 2008: Ký hợp đồng sản xuất liên doanh với Pharma Science – Canada. Đến nay đã thỏa thuận hợp tác sản xuất 113 sản phẩm, trong đó 79 sản phẩm đã có sổ đăng ký, sản xuất ra thị trường 58 sản phẩm.

Năm 2009: Hoàn thành tái cấu trúc lớn toàn bộ hệ thống từ quản lý đến sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, cũng như sắp xếp lại các xưởng để hợp lý hóa sản xuất và đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt của các đối tác sản xuất lớn.

Năm 2010: Chính thức đưa nhà máy Cephalosporin tại khu CN Việt Nam – Singapore II Bình Dương đi vào hoạt động tháng 9/2010, với tổng đầu tư 113 tỷ đồng. Đây là nhà máy được đầu tư theo tiêu chuẩn

và công nghệ Châu Âu, sản xuất các loại thuốc uống và tiêm bột thuộc nhóm Cephalosporin thế hệ mới, vừa được tập đoàn Novartis – Thụy Sĩ đánh giá trong đầu tháng 3/2011.

Năm 2010 cũng là năm thực hiện tái đánh giá GMP-WHO, GSP-WHO cho các xưởng, kho, đánh giá GMP-WHO lần đầu tiên cho nhà máy Bình Dương. Về tài chính, công ty đã hoàn thành hồ sơ để phát hành tăng vốn điều lệ lên 160 tỷ đồng.

3. Tình hình hoạt động

3.1. Các chủng loại sản phẩm và dịch vụ

Sản phẩm và dịch vụ chính do Công ty cung cấp bao gồm:

- Thuốc tân dược do công ty sản xuất gồm: nhóm thuốc kháng sinh, nhóm thuốc hạ sốt giảm đau, nhóm thuốc kháng viêm, nhóm thuốc đặc trị, nhóm thuốc chống dị ứng và các loại thực phẩm chức năng.
- Thuốc kinh doanh: do Công ty nhập khẩu hoặc mua lại từ các đơn vị khác để phân phối.

Hiện nay, Công ty đã sản xuất được trên 270 loại sản phẩm, trong đó có trên 30 loại là sản xuất nhượng quyền cho các tập đoàn, công ty lớn ở nước ngoài như: Sandoz (Biochemie), Robinson pharma, DP pharma, Pharmascience, Innotech,... Công ty có số hoạt chất sử dụng gần 120 loại khác nhau, sản phẩm của Công ty đa dạng và phong phú về chủng loại với chất lượng cao tương đương với những sản phẩm của các Tập đoàn dược nổi tiếng trên thế giới, mẫu mã bao bì đẹp. Vì vậy, sản phẩm dược của Imexpharm luôn được sự tin nhiệm lựa chọn của khách hàng, đặc biệt là các cơ sở khám chữa bệnh trong nước.

3.2. Nguyên vật liệu

a) *Nguồn nguyên vật liệu*

Nguyên liệu sản xuất thuốc kháng sinh:

- Kháng sinh có nguồn gốc Betalactam có các hoạt chất: Amoxycillin trihydrate compacted, Amoxycillin powder, Ampicillin trihydrate compacted, Cepharodroxil granules, Cephalexin monohydrate compacted, Cefaclor, Cefuroxim axetil,...
- Kháng sinh có nguồn gốc Nonbeta lactam có các hoạt chất: Azithromycin dihydrate,...

Nguyên liệu sản xuất thuốc giảm đau hạ sốt: Codeine base, Paracetamol,...

Nguyên liệu sản xuất thuốc Vitamin: Ascorbic acid, Ascorbic acid 90% granules, Pyridoxin HCl, Thiamin nitrate,...

Nguyên liệu sản xuất các thuốc khác: Dextromethorphan HBr, Dexamethason acetat, Phenylpropanolamin HCl,...

Nguyên liệu chính sản xuất thuốc của Imexpharm được nhập khẩu từ các nhà sản xuất nguyên liệu nổi tiếng trên thế giới tại Châu Âu và Mỹ, chất lượng của các loại nguyên liệu đạt độ ổn định cao. Danh sách một số nhà cung cấp chủ lực nguyên liệu sản xuất chính cho Công ty và các sản phẩm tương ứng:

STT	Nguyên liệu hoạt chất	Nhà cung cấp	Nước sản xuất
01	Amoxycillin trihydrate compacted	Sandoz	Spain
02	Amoxycillin powder	Sandoz	Spain
03	Ampicillin trihydrate compacted	Sandoz	Spain
04	Ascorbic acid,	Roche (DSM)	England
05	Ascorbic acid 90% granules	Roche	USA
06	Azithromycin dihydrate	Fyse	Spain
07	Cephadroxil granules	Sandoz	Austria
08	Cephalexin monohydrate compacted	ACS Dobfar SPA	Italy
09	Cefaclor	ACS Dobfar SPA	Italy
10	Cefuroxim axetil	ACS Dobfar SPA	Italy
11	Codeine base	Macfarlan Smith, Ltd	England
12	Dextromethorphan HBr	F Hoffmann-La Roche, Ltd	Switzerland
13	Dexamethason acetat	Pharmacia&Upjohn Company	USA
14	Paracetamol	Mallinckrodt INC	USA
15	Phenylpropanolamin HCl	Cheng Fong Chemical Co, Ltd	Taiwan
16	Pyridoxin HCl	Roche	Germany
17	Thiamin nitrade	Roche	Germany

(Nguồn:Imexpharm)

b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp nguyên liệu cho Công ty khá ổn định do nguyên liệu Công ty sử dụng được sản xuất bởi những Công ty lớn có sản lượng cung ứng dồi dào. Mặt khác, do là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành nên Công ty có mối quan hệ với nhiều nhà cung ứng nguyên liệu khác nhau trên thế giới, có uy tín về tiêu thụ nguyên liệu, nên tạo thuận lợi cho Công ty trong việc tìm kiếm các đối tác cung ứng.

Giá cả các loại nguyên liệu nhìn chung biến động không lớn ngoại trừ Amoxicillin và Cefacexin, Công ty chủ động ký hợp đồng cung ứng với các đối tác cho cả năm nên hạn chế tối đa sự biến động giá. Đa số các nhà cung ứng cho Công ty là đối tác truyền thống nên Công ty cũng được sự đảm bảo từ các đối tác về nguồn cung ứng và giá tốt hơn so với những đơn vị nhập khẩu không thường xuyên. Tuy nhiên giá nguyên liệu hiện có xu hướng gia tăng.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Nguyên vật liệu, chủ yếu là nguyên liệu và tá dược, chiếm tỷ trọng trên 40% trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm của Công ty, chính vì vậy sự thay đổi giá của nguyên vật liệu rất yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận do giá bán không thể điều chỉnh kịp thời trong ngắn hạn. Giá cả của các loại nguyên liệu thời gian qua có xu hướng tăng do những biến động về giá cả dầu hoả, tác động đến giá tăng giá cả của các loại nguyên liệu có nguồn gốc chiết xuất từ dầu mỏ. Ngoài ra, do bất ổn về chính trị, thiên tai, dịch IMP Báo cáo thường niên 2010

bệnh đã tác động đến việc gia tăng dự trữ nguồn nguyên liệu dự phòng của các quốc gia và làm gia tăng giá nguyên liệu. Sự biến động này tác động đến hầu hết các Công ty trong ngành và không thể né tránh, chính vì vậy hệ quả của sự biến động này là trong khoảng thời gian ngắn hạn sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của những đơn vị trong ngành, trong đó có Imexpharm. Về lâu dài giá bán sẽ được điều chỉnh phù hợp khi đó lợi nhuận sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

Yếu tố	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị (trđ)	% Doanh thu	Giá trị (trđ)	% Doanh thu	Giá trị (trđ)	% Doanh thu
Doanh thu thuần	561.844	100%	660.076	100%	763.994	100%
Giá vốn hàng bán	319.809	56,92%	366.643	55,55%	411.098	53,81%
CP bán hàng	145.012	25,81%	181.877	27,55%	220.270	28,83%
CP quản lý	24.969	4,44%	29.965	4,54%	35.441	4,64%
Chi phí tài chính	13.913	2,48%	9.685	1,47%	8.029	1,05%
Tổng	503.703	89,65%	588.170	89,11%	674.838	88,33%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008-2010)

Nhìn chung, chi phí của Imexpharm tương đương với chi phí của các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành và sản phẩm do Công ty sản xuất ra có khả năng cạnh tranh tốt trên thị trường.

3.4. Trình độ công nghệ

Imexpharm là đơn vị đầu tiên trong nước sản xuất hàng nhượng quyền kể từ năm 1999 và cũng là công ty đầu tiên tại Việt Nam sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Bên cạnh các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường trong sản xuất dược phẩm, thực phẩm (GMP, GLP, GSP, HACCP), Imexpharm luôn chú trọng đến việc giữ gìn vệ sinh và công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải công nghiệp, nguồn nước theo đúng các tiêu chuẩn của ngành và của Nhà nước Việt Nam quy định. Đến nay, IMP đã được chứng nhận ISO 9001:2008, TQM về hệ thống quản lý chất lượng và ISO 22000:2005 về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các sản phẩm chức năng của Công ty.

Do lợi thế từ việc sản xuất hàng nhượng quyền tạo điều kiện cho Công ty tích luỹ kinh nghiệm về phương cách quản lý, quy trình sản xuất và tạo dựng được đội ngũ nhân viên lành nghề đáp ứng được các yêu cầu trong thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu.

Công ty có dây chuyền sản xuất thuốc hiện đại và khép kín, với các máy móc thiết bị được trang bị mới 100% phần lớn có nguồn gốc từ Châu Âu, Mỹ như: máy ép vī UIIL Mal (Đức), máy đóng nang tự động (Đức), máy sấy tần sôi (Đức), máy vô nang tự động (Italy)....

Phòng kiểm nghiệm của Công ty được trang bị các máy móc thiết bị kiểm nghiệm tiên tiến như: máy quang phổ hồng ngoại (Mỹ), máy thử độ mài mòn-Pharmartest (Đức), máy quang phổ (Anh), máy xác IMP Báo cáo thường niên 2010

định độ tan rã (Đức), máy sắc ký lỏng (Thụy Sỹ)... đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu kiểm nghiệm phục vụ cho việc sản xuất và bảo đảm chất lượng thuốc theo đúng tiêu chuẩn đăng ký.

Hệ thống kho bảo quản của công ty với thiết kế và trang bị phương tiện bảo quản đáp ứng tốt nhu cầu bảo quản, tồn trữ nguyên liệu và thuốc thành phẩm đảm bảo duy trì chất lượng tối ưu.

3.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Imexpharm ngang tầm với chất lượng hàng nhượng quyền và thay thế hàng ngoại nhập là định hướng chiến lược mà Công ty đặt ra nhằm nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất và đưa Imexpharm phát triển ở tầm cao mới.

Công ty thành lập phòng nghiên cứu phát triển (R&D) đảm nhận vai trò nghiên cứu sử dụng các hoạt chất để sản xuất thuốc, công thức sản phẩm, quy trình sản xuất thuốc, sản xuất thử nghiệm sản phẩm.

Năm 2009 Công ty đăng ký 48 sản phẩm đưa ra thị trường mang thương hiệu Imexpharm theo công thức do Công ty tạo ra, năm 2010 Công ty đưa thêm ra thị trường 25 sản phẩm và tất cả đều được chấp nhận. Tỷ trọng hàng nhượng quyền trong tổng doanh thu sản xuất là 25%, và tỷ trọng hàng Imexpharm là 75% so với 03 năm trước đây.

3.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.

Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP-WHO, được Cục Quản Lý Dược cấp giấy chứng nhận thực hành sản xuất thuốc tốt (theo giấy chứng nhận số 256/CN-QLD cấp ngày 27/8/2010 nhà máy tại Đồng Tháp; giấy chứng nhận số 255/CN-QLD ngày 27/8/2010 thuốc uống, giấy chứng nhận số 323/CN-QLD ngày 06/10/2010 thuốc tiêm nhà máy tại Bình Dương) chứng nhận Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Imexpharm đạt yêu cầu "Thực hành tốt sản xuất thuốc" theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới, "Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc" và "Thực hành tốt bảo quản thuốc". Giấy chứng nhận sản xuất kinh doanh dược phẩm theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, TQM, ISO 22000:2005 về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm chức năng của Công ty.

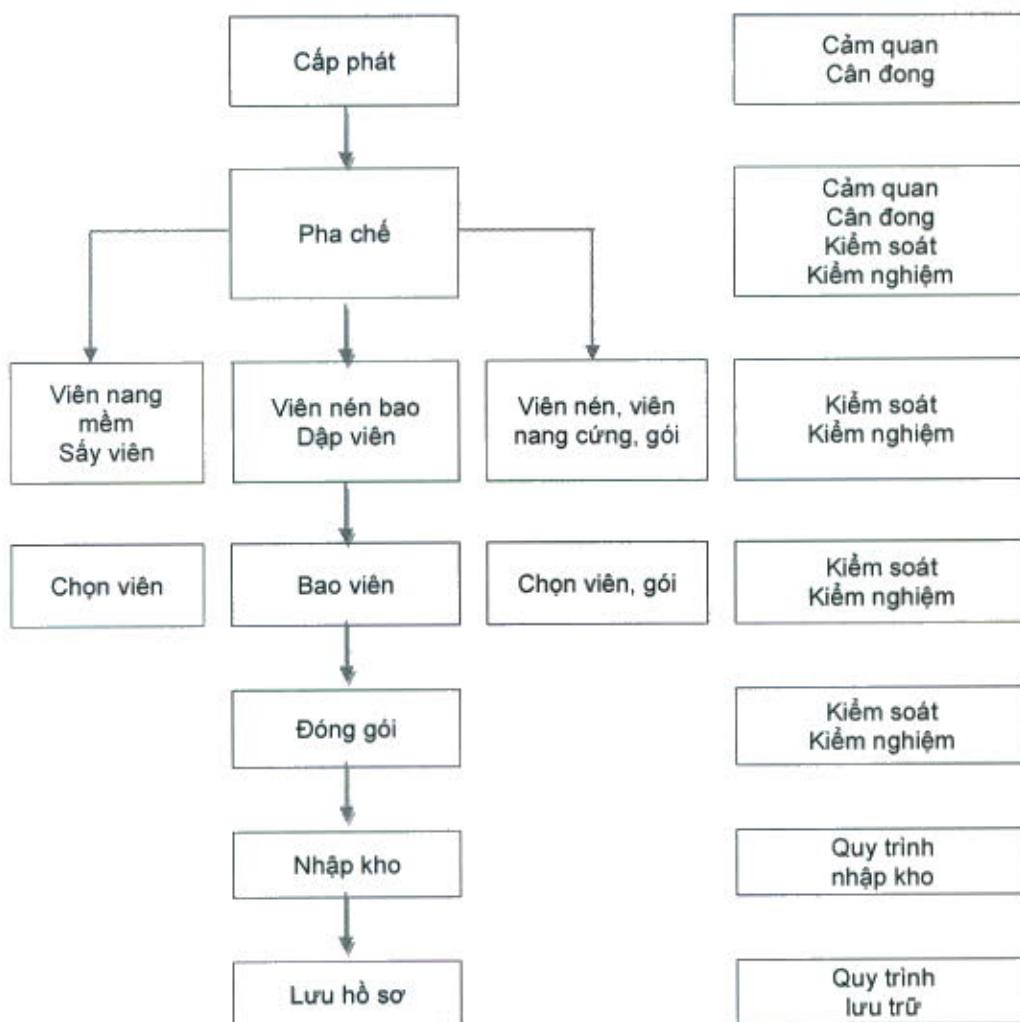
Ngoài ra Công ty cũng đáp ứng được những đòi hỏi nghiêm ngặt trong sản xuất dược phẩm theo đúng quy định tiêu chuẩn của các Tập đoàn dược phẩm nổi tiếng thế giới thực hiện liên doanh, nhượng quyền với công ty như: Sandoz, Sanofi-Aventis, Pharmascience (Canada)...

b. Kiểm tra chất lượng trên quy trình sản xuất.

Kiểm tra chất lượng trên các công đoạn sản xuất được thực hiện theo sơ đồ sau:

CÁC GIAI ĐOẠN SẢN XUẤT

PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

*c. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm.*

Công ty có Phòng QC (Quality Control) phụ trách riêng về kiểm nghiệm chất lượng. Bộ phận này quản lý phòng Lab (kiểm nghiệm), có nhiệm vụ thực hiện kiểm nghiệm toàn bộ từ nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất và kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng tại Công ty.

Ngoài ra để bảo đảm chất lượng của cả quá trình từ sản xuất, tồn trữ đến tiêu thụ, Công ty có Phòng QA (Quality Assurance), chịu trách nhiệm thiết lập và quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu GMP, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Bộ phận QA cũng chủ trì việc phối hợp với các bộ phận có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan.

- Kiểm nghiệm thiết bị, dụng cụ sản xuất và kiểm nghiệm.
- Đánh giá nhà cung cấp.
- Điều tra xử lý sự cố.

- Kiểm tra môi trường.
- Đào tạo huấn luyện.
- Thu hồi, tái chế, thanh lý sản phẩm, nguyên phụ liệu bao bì.
- Xem xét khiếu nại khách hàng.
- Tự thanh tra.

3.7. Hoạt động Marketing

a. *Quảng bá thương hiệu.*

Hoạt động quảng bá thương hiệu tại Imexpharm được chú trọng nhằm tạo dựng thương hiệu Việt mạnh với sứ mạng phát triển để đóng góp lợi ích xã hội cho cộng đồng. Công ty sử dụng các đơn vị Marketing chuyên nghiệp hỗ trợ việc xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu và tổ chức các sự kiện. Những chương trình lớn mà Công ty đã thực hiện vừa qua:

- Chương trình khuyến học Imexpharm trao phần thưởng và học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo vượt khó. Công ty đã thực hiện chương trình này kết hợp với Báo Tuổi trẻ và đã thực hiện tài trợ cho các học sinh, sinh viên tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Tp.HCM, miền Trung.
- Tài trợ cho các hội nghị, hội thảo chuyên ngành.

Thương hiệu Imexpharm được bình chọn là thương hiệu mạnh năm 2008 và 2009, những dòng tôn chỉ hoạt động "Imexpharm-Sự cam kết ngay từ đầu" và khẩu hiệu "1000 năm sau hoa sen vẫn nở" đã trở nên quen thuộc và chuyển tải được thông điệp về sứ mạng của Công ty đến với khách hàng. Năm 2005, Imexpharm đã vinh dự được trao giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, giải thưởng Chất lượng Việt Nam. Năm 2006, 2007, 2008, 2009 đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao, khẳng định thêm uy tín và năng lực của Công ty.

b. *Sản phẩm.*

Công ty thiết lập trang web để giới thiệu sản phẩm đến với người tiêu dùng với địa chỉ là: www.imexpharm.com. Các sản phẩm của Công ty phong phú về chủng loại, chất lượng đạt theo tiêu chuẩn Châu Âu, giúp người bệnh đạt hiệu quả cao trong điều trị và tiết kiệm chi phí. Thị phần mà Công ty tham gia chiếm khoảng 4% tổng giá trị sản phẩm dược tiêu thụ của cả nước.

c. *Hệ thống phân phối.*

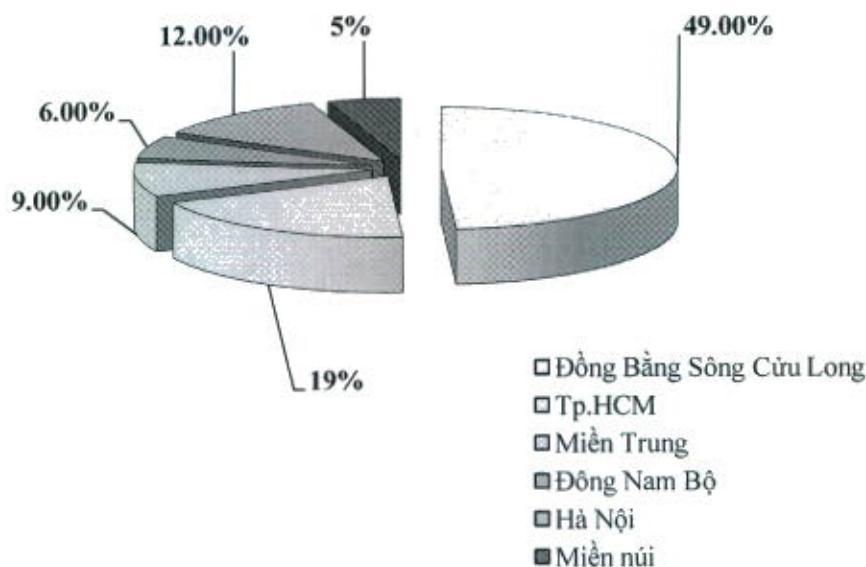
Công ty xây dựng hệ thống phân phối thông qua các nhà phân phối độc quyền như: Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại, Công ty TNHH Dược phẩm Long Giang, Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế, Công ty TNHH Dược phẩm Vĩnh Khang,... Ngoài ra còn có 9 Chi nhánh, 5 hiệu thuốc trực thuộc Công ty trực tiếp phân phối.

Các nhà phân phối của Công ty được chọn lựa là những công ty kinh doanh dược, năng lực của nhà phân phối được đánh giá thường xuyên thông qua các tiêu chí: năng lực về vốn, khả năng phát triển thị trường tại địa phương, kiến thức về chuyên môn dược phẩm, và năng lực thực hiện các chương trình khuyến mãi, xúc tiến bán hàng do Imexpharm đề ra.

Hệ thống phân phối của Công ty được mở rộng phát triển từng bước vững chắc. Khi thị trường tại một

địa phương đạt mức phát triển ổn định và đủ lớn, Công ty sẽ triển khai xây dựng và phát triển đội ngũ trình dược viên tại đó để hỗ trợ nhà phân phối trong chào hàng và nhận đơn đặt hàng các sản phẩm dược. Tỷ trọng trong doanh thu của Công ty tại các khu vực thị trường trong nước như sau:

Tỷ trọng doanh thu các khu vực



Công ty đang đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Hà Nội và phát triển ra các vùng lân cận. Tại Miền trung (Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Huế, Bình Định).

d. Giá bán.

Công ty xác định giá bán thống nhất trên toàn quốc. Công ty xác định cạnh tranh bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, không cạnh tranh bằng giá cả nên sản phẩm của Công ty có giá bán bình quân cao hơn so với các sản phẩm khác cùng dược tính của các Doanh nghiệp dược trong nước.

2.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	SẢN PHẨM	TRỊ GIÁ	ĐỐI TÁC
1	34/HĐKT ngày 29 tháng 09 năm 2009	ETHAMBUTOL 400mg	25,237,290,000	BV Lao & Bệnh phổi TW
		Isoniazid 300mg	4,244,760,000	Chương Trình Chống Lao Quốc Gia Giai đoạn 2007-2011
2	33/HĐKT ngày 29 tháng 09 năm 2009	ETHAMBUTOL 400mg	25,237,290,000	BV Lao & Bệnh phổi TW
		Isoniazid 300mg	4,244,760,000	Dự án Phòng Chống Lao
3	02/HĐMB-IMEX ngày 04/01/2010	Tân dược	5.000.000.000	Công ty CP dược phẩm Phú Thọ

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	SẢN PHẨM	TRỊ GIÁ	ĐỐI TÁC
4	07/HĐMB-IMEX ngày 04/01/2010	Tân dược	3,000,000,000	Công ty TNHH DP Sài Thành
5	08/HĐMB-IMEX ngày 04/01/2010	Tân dược	1,500,000,000	Công ty TNHH DP Việt Phong
6	23/HĐMB-IMEX ngày 09/12/2009	Tân dược	2,000,000,000	Công ty TNHH TM dược Thuận Gia
7	26/HĐMB-IMEX ngày 02/01/2010	Tân dược	30,000,000,000	Công ty TNHH DP Gia Đại
8	02/HĐDL-IMEX ngày 02/01/2010	Tân dược	3,500,000,000	Công ty TNHH DP và TTBYT Vĩnh Khang

4. Định hướng và mục tiêu phát triển

a. Định hướng phát triển

Để góp phần nâng cao năng lực sản xuất của ngành Dược trong nước, Imexpharm chọn cho mình một hướng đi riêng, chuyên biệt không chạy theo xu hướng thị trường mà “**Định hướng vào khách hàng**”. Imexpharm định vị cho mình là:

Nhà sản xuất dược phẩm có chất lượng cao, giá cả hợp lý, luôn định hướng phục vụ khách hàng, nâng cao giá trị cộng thêm cho khách hàng và đối tác.

Trở thành công ty sản xuất liên doanh và nhượng quyền hàng đầu ngành Dược Việt Nam, là lựa chọn đầu tiên của các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia để làm đối tác chiến lược của các tập đoàn dược phẩm này trong việc sản xuất các sản phẩm liên doanh và nhượng quyền.

Xây dựng thương hiệu Imexpharm: giữ vững thương hiệu hàng đầu ngành công nghiệp dược Việt Nam với các sản phẩm chất lượng, an toàn và hiệu quả trong điều trị.

Phát triển hệ thống phân phối đủ mạnh, chuyên nghiệp để cung cấp hàng hóa cho thị trường.

Liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và khai thác hiệu quả các Nhà máy hiện có. Đầu tư chiều sâu cho nghiên cứu, R&D, phát triển nhóm sản phẩm mới theo diễn biến bệnh tại Việt Nam: tim mạch, tiểu đường, kháng sinh thế hệ mới dạng uống và tiêm.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ khoa học kỹ thuật, đội ngũ bán hàng. Lấy nguồn nhân lực làm trọng tâm để thể hiện hình ảnh và văn hóa Imexpharm đến với cộng đồng.

Văn hóa và triết lý kinh doanh mang đậm nét đặc trưng riêng Imexpharm. Imexpharm luôn tham gia, quan tâm, chia sẻ trách nhiệm với xã hội, cộng đồng trên con đường phát triển và thành công. Trở thành Công ty dược phẩm được tin cậy nhất tại Việt Nam.

b. Mục tiêu kinh doanh

Mục tiêu chung: “**Giữ vững vị thế là Công ty Dược phẩm hàng đầu trong nước, tạo lợi thế cạnh tranh riêng biệt, tiếp tục chiến lược phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả**”

Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ 12% đến 15%/năm; doanh thu đến 2015 đạt 1.300 tỷ, lợi nhuận đến 2015 đạt 180 tỷ, doanh thu xuất khẩu đạt 5% đến 10%/doanh thu.
- Vốn điều lệ đạt 160 tỷ năm 2011, đến năm 2015 tăng lên 300 tỷ, nhằm đáp ứng cho nhu cầu mở rộng đầu tư, duy trì mức độ tăng trưởng và phát triển của Công ty
- Đầu tư xây dựng mới Nhà máy Non Betalactam, Nhà máy liên doanh với các tập đoàn đa quốc gia khu vực Châu Âu, châu Mỹ.
- Xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực từ 20 đến 30 sản phẩm/năm.
- Mở 01 chi nhánh bán hàng, nghiên cứu sản phẩm tại nước ngoài.
- Đưa ra thị trường từ 10 đến 20 sản phẩm mới/năm. Thị phần chiếm 5% tổng thị phần tiêu thụ trong nước.
- Đến 2015 số lượng nhân viên là 1.000 người, với thu nhập bình quân là 180 triệu đồng/năm/người.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010, Kinh tế Việt Nam vừa trải qua nhiều biến động do ảnh hưởng hậu khủng hoảng tài chính thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong những nước đã điều hành nền kinh tế với tốc độ GDP tăng trưởng 6,87% cao hơn khá nhiều mức tăng trưởng 5,32% năm 2009; và Ngành dược Việt Nam dù chịu nhiều áp lực của việc thực hiện các điều kiện hội nhập WTO, vẫn tăng trưởng hơn 20%.

Hoạt động trong một ngành đầy tiềm năng ở một nước đang phát triển, hội nhập thì sức cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Sản xuất dược phẩm trong nước gặp nhiều khó khăn do biến động giá nguyên liệu và tỷ giá ngoại tệ vì phụ thuộc 90% nguyên liệu nhập khẩu.

Trong bối cảnh khó khăn chung, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành luôn nhận thức hiệu quả của quản trị là phải tìm ra những cơ hội mới, có định hướng chiến lược đúng đắn nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty. Cụ thể: chuyển đổi hợp lý cơ cấu sản phẩm, tập trung vào sản xuất nhóm sản phẩm có hiệu quả đồng thời tập trung chăm sóc khách hàng, đặc biệt khách hàng có doanh số lớn... Hoạt động của hệ thống bán hàng và đội ngũ trình dược cũng được định hướng theo mục tiêu này nên mặc dù sản lượng tăng ít, giá bán bị khống chế song doanh thu và lợi nhuận của Imexpharm vẫn tăng trưởng khá tốt.

Chính vì vậy, năm 2010 Imexpharm tiếp tục đánh dấu thêm một năm phát triển liên tục từ khi cổ phần hoá đến nay. Thành công trong một năm đầy khó khăn, chúng tôi xin báo cáo đến quý cổ đông, quý nhà đầu tư tinh hình thực hiện kế hoạch và những nét nội bật của quản trị trong năm 2010 như sau:

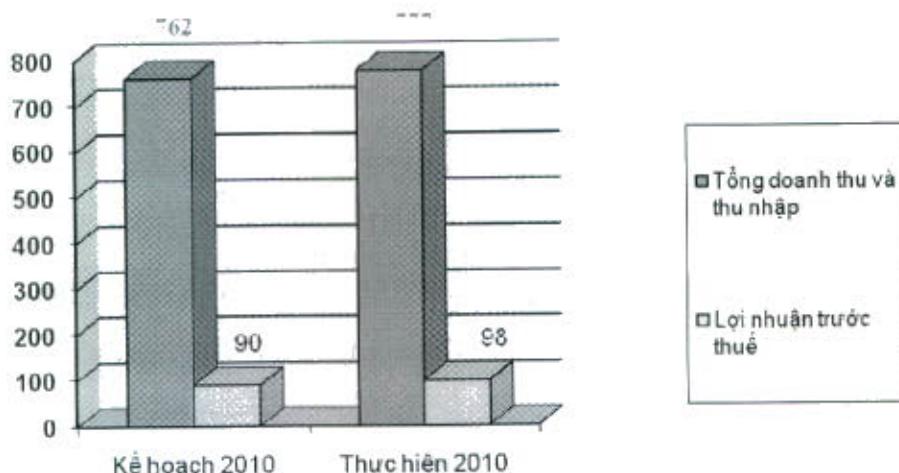
I. Tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

Theo số liệu kiểm toán, năm 2010 Imexpharm đạt 777,56 tỷ đồng doanh thu và 98,12 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế; tương ứng với 102,04% kế hoạch doanh thu và 109,02% kế hoạch lợi nhuận; Ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 9,75% và tăng trưởng lợi nhuận 21,85% so với năm 2009, Cụ thể:

(Đvt: 1.000đ)

Chi tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH 2010/ KH 2010 (%)	Tăng trưởng/ 2009 (%)
Tổng Doanh thu	762.000.000	777.563.000	102,04	9,75
Lợi nhuận trước thuế	90.000.000	98.121.000	109,02	21,85

Thực hiện năm 2010 so với kế hoạch 2010



Doanh thu tăng trưởng 9,75% do Imexpharm xây dựng tốt thị trường của các sản phẩm chủ lực, đồng thời giảm dần các sản phẩm kém hiệu quả. Bên cạnh đó, Imexpharm đã khai thác hết công suất của nhà máy hiện hữu. Vì vậy, việc đầu tư hệ thống nhà máy mới là cần thiết và kịp thời để tạo sức bật tăng trưởng doanh thu cho Imexpharm những năm tiếp theo.

Lợi nhuận ở mức tăng trưởng rất tốt 21,85%. Kết quả này thể hiện sự thành công trong định hướng chiến lược của Imexpharm là tập trung khai thác hiệu quả các sản phẩm giá trị, đồng thời quản lý chặt chẽ chi phí.

Đặc biệt, Imexpharm tiếp tục phát triển mạnh vào hệ điều trị cả nước, doanh thu hệ điều trị tăng trưởng 20% so năm 2009, đạt 60% trên tổng doanh thu, cho thấy cơ cấu doanh thu đang phát triển đúng theo xu thế chung là tăng tỷ lệ thuốc kê toa nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết cho hệ điều trị.

II. Những nét nổi bật của hoạt động quản trị trong năm

1. Về tài chính, kế toán

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong môi trường bất ổn thì các quyết định tài trợ, quyết định đầu tư và chia cổ tức càng phải được suy xét cẩn trọng.

- Khi giá cả nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động mà giá cả đầu ra phải ổn định, công ty phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, giảm nợ phải thu; liên tục xem xét chiến lược dự trữ thành phẩm, nguyên vật liệu chính thông qua phân tích dự báo giá cả thị trường. Kết quả tỷ lệ lãi gộp đã tăng từ 44,45% năm 2009 lên 46,16% năm 2011. Hàng tồn kho ngày 31/12/2010 giảm 11,87% so với đầu năm. Song song đó cũng từng bước thực hiện giảm chi phí bán hàng, hướng đến bán hàng bằng hiệu quả điều trị và uy tín thương hiệu.
- Để thông tin quản trị nhanh chóng, Imexpharm đã tạo lập hệ thống mạng và cài đặt chương trình kế toán kết nối thông suốt toàn công ty, lắp đặt hệ thống Qdis cho máy chủ.
- Thường xuyên cập nhật chính sách, chế độ tài chính kế toán mới để cập nhật phần mềm kế toán và lập báo cáo tài chính cũng như thuyết minh đầy đủ đúng chuẩn mực, minh bạch; thiết kế mẫu hoá đơn tự in phù hợp với quy định.
- Để tăng nguồn tài trợ cho vốn lưu động và mở rộng chiều sâu hệ thống phân phối, công ty đã thực hiện lộ trình phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 160 tỷ theo sự chấp thuận của

UBCK Nhà Nước. Cùng với việc này là quyết định chi trả cổ tức năm tài chính 2010 22% trên vốn điều lệ 160 tỷ để tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu phát hành.

- Tích cực gặt gỡ và chia sẻ thông tin hai chiều với các cổ đông và nhà đầu tư; lắng nghe ý kiến tư vấn trong quản trị điều hành và chiến lược của Imexpharm, đồng thời thực hiện tốt công tác công bố thông tin minh bạch, kịp thời, công bằng cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Công tác kiểm toán nội bộ cũng được thực hiện một cách chặt chẽ; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành chính sách bán hàng, quy định về phân cấp quản lý tài chính đối với các đơn vị trực thuộc; rà soát việc hạch toán và báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm.

2. Hoạt động tiếp thị và bán hàng

- Tổ chức thành công 80 hội nghị, hội thảo khoa học giới thiệu sản phẩm đến hơn 3.000 khách hàng. Tiếp thị hiệu quả cùng với chương trình chăm sóc khách hàng chu đáo, hội thảo cung cấp thông tin sản phẩm được triển khai đều và rộng rãi giới chuyên môn giúp cho việc sử dụng sản phẩm trong việc điều trị thuận tiện hơn.
- Về sản phẩm, tập trung đầu tư, khai thác dòng sản phẩm chủ lực đã có nền tảng như: Andol Fort, Probio, Max-go lutein, Claminat, Imeclor ...và xây dựng thêm những sản phẩm mới. Hoạt động xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực ngày càng chuyên nghiệp thông qua các hoạt động về nghiên cứu thị trường, thiết kế nhận diện sản phẩm, chương trình quảng cáo, tài trợ cho khách hàng xây dựng nhà thuốc GPP....
- Đội ngũ bán hàng, tiếp thị cũng ngày càng chuyên nghiệp hơn thông qua việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, huấn luyện hợp lý và hiệu quả.
- Song song với hoạt động Marketing, hệ thống phân phối cũng được mở rộng. Sản phẩm Imexpharm đã có mặt tại 54/64 tỉnh thành và hầu hết các bệnh viện trên toàn quốc. Hiện tại công ty có trên 50 chi nhánh và nhà phân phối trung gian.
- Theo kế hoạch sắp tới hệ thống phân phối sẽ được mở rộng trên cả nước, đặc biệt các khu vực miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên...
- Bên cạnh đó, Imexpharm luôn gắn hoạt động của mình với lợi ích chung của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội như: Khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, tiếp sức mùa thi, khuyến học cho học sinh nghèo và con em khách hàng, tặng học bổng Đặng Thùy Trâm cho cán bộ công nhân viên trong ngành Y tế, học sinh, sinh viên ngành y dược và nhiều hoạt động khác.
- Với Triết lý kinh doanh "IMEXPHARM- Sự cam kết ngay từ đầu" & Hoài bão "Ngàn năm sau hoa sen vẫn nở", các hoạt động tiếp thị và bán hàng của Imexpharm hướng đến mục tiêu: sản phẩm Imexpharm "Sánh vai cùng các thương hiệu hàng đầu thế giới".

3. Hoạt động nghiên cứu và phát triển

- Năm 2010, Imexpharm được cấp số đăng ký 69 sản phẩm mới, sản phẩm liên doanh, nhượng quyền, trong đó sản phẩm mới mang thương hiệu Imexpharm chiếm 50%. Trong năm công ty cũng đã đưa ra thị trường 25 sản phẩm và dự kiến sẽ đưa thêm 30 sản phẩm mới với công thức bào chế và quy trình sản xuất ổn định, nâng số lượng sản phẩm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành trong nước và ngoài nước là 300 sản phẩm.
- Nghiên cứu diễn biến bệnh tật tại Việt Nam, công ty đang tiến hành xây dựng phương án sản phẩm đặc trị như tim mạch, tiểu đường và các sản phẩm kháng sinh thuộc nhóm Penicillin và Cephalosporin thế hệ mới để đáp ứng nhu cầu điều trị.

- Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật thường xuyên được huấn luyện về chuyên môn, GMP-WHO, ISO và tham dự hội thảo, hội nghị về các thành tựu mới trong công nghệ dược.

4. Hoạt động quản lý chất lượng

- Hệ thống quản lý chất lượng được duy trì và nâng cao, tiếp tục được công nhận đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Thực hành Tốt Sản xuất Thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y Tế Thế giới (GMP-WHO) và của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài như Sandoz, Sanofi-Aventis, GSK... Triển khai và mở rộng việc áp dụng nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) đến các chi nhánh. Cập nhật hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của ISO 9001:2008
- Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management) được kế thừa và phát huy, nhiều sáng kiến cải tiến chất lượng được áp dụng giúp tiết kiệm chi phí, giảm chất thải rắn...

5. Hoạt động đầu tư

Để đảm bảo chiến lược tăng trưởng ổn định và bền vững, năm 2010 công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cho sản xuất và hệ thống phân phối cụ thể như sau:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy Cephalosporin GMP- WHO (sản xuất viên & thuốc tiêm) tại khu công nghiệp Việt Nam- Singapore II Bình Dương hoàn thành, và đi vào hoạt động quý IV năm 2010. Toàn bộ các dây chuyền sản xuất của nhà máy đã được cấp chứng nhận GMP-WHO. Tổng trị giá đầu tư 113 tỷ đồng.
- Hoàn thiện và đưa vào sử dụng khu nhà ở tập thể Bình Dương, trị giá 3,4 tỷ đồng.
- Đầu tư cho các công trình Chi nhánh An Giang, Đà Nẵng, Bình Dương, Nha Trang, tổng giá trị 3,5 tỷ đồng
- Cải tạo theo định kỳ nhà xưởng, khu kiểm nghiệm, tổng kho... giá trị 1,4 tỷ đồng.

6. Bảo vệ môi trường

Sản xuất kinh doanh dược phẩm để chăm sóc sức khỏe nhân dân, Imexpharm luôn quan tâm các biện pháp bảo vệ môi trường thông qua việc đầu tư các công trình xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, môi trường cây xanh ... Hằng năm công ty đã đầu tư khoảng 500 triệu đồng cho công tác này và đã được UBND Tỉnh Đồng Tháp phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1169/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2010.

7. Công nhận của xã hội năm 2010

Với các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và hoạt động xã hội bền bỉ, Imexpharm đã nhận được nhiều sự công nhận và khích lệ trong năm 2010:

- Bộ Y Tế tặng cờ đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2006-2010.
- UBND Tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen đơn vị hoàn thành xuất sắc trong phong trào thi đua 5 năm 2006-2010 nhân Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV- 2010.
- Tổ chức AWARDS chứng nhận và tặng cúp đơn vị đạt giải "Thương hiệu chứng khoán uy tín" năm 2010.
- Được tổ chức IPC đánh giá mức tin dụng AA⁺⁺

III. Quản trị rủi ro cho năm 2011

Trong môi trường kinh doanh bất ổn như hiện nay thì việc áp dụng quản trị rủi ro không thể thiếu trong doanh nghiệp. Quản trị rủi ro tại Imexpharm được Hội đồng quản trị xem trọng hàng đầu, IMP Báo cáo thường niên 2010

bằng chứng là người chịu trách nhiệm quản trị rủi ro là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính (CFO) cũng là thành viên Hội đồng quản trị, và Kế toán trưởng trợ giúp quản trị rủi ro cho CFO cũng là thành viên Hội đồng quản trị.

Những yếu tố rủi ro được xác định sẽ tác động đến công ty trong năm 2011 và giải pháp quản trị rủi ro đưa ra như sau:

Các nhóm rủi ro	Yếu tố rủi ro năm 2011	Phân tích rủi ro và tác động đến công ty	Giải pháp quản trị rủi ro
Rủi ro hệ thống	Rủi ro nền kinh tế	Lạm phát và bất ổn gây nhiều mối lo ngại cho nền kinh tế Việt Nam. Mục tiêu kinh tế vĩ mô 2011: tăng trưởng GDP 7-7,5%, lạm phát dưới 7%, nhưng có nhiều khả năng mục tiêu lạm phát không đạt được. Vòng xoáy lạm phát và tỷ giá đầy giá cả nhập khẩu nguyên liệu, giá tiêu dùng và mọi thứ giá cả đều vào tăng cao, trong khi giá bán ra của thuốc chữa bệnh tăng không đáng kể so với CPI do thực hiện bình ổn giá mặt hàng thiết yếu. Điều này làm giảm đáng kể tỷ suất sinh lợi của công ty.	Tiếp tục thực hiện các chiến lược áp dụng cho giai đoạn khó khăn: hợp lý hóa sản xuất mức độ cao, sản xuất lô lớn, cân nhắc các chiến lược dự trữ; cắt giảm chi phí hoạt động, nhất là chi phí bán hàng. Ưu tiên phát triển các mặt hàng chiến lược mang thương hiệu Imexpharm có giá trị cao. Trong dài hạn giá bán cũng sẽ được điều chỉnh tăng, lúc đó lợi nhuận không bị ảnh hưởng.
Rủi ro pháp lý	Rủi ro do luật thường xuyên thay đổi. Một số chính sách ngành Dược chưa phù hợp. Chính sách Thuế còn bất cập, đặc biệt là quy định về chi phí không chế.	Nguy cơ bị thanh kiểm tra, kiện tụng, ảnh hưởng uy tín công ty. Không thể tập trung sản xuất kinh doanh. Làm thay đổi định hướng chiến lược, chính sách, hiệu quả kinh doanh của công ty.	Nâng cao trách nhiệm của Ban pháp chế trong việc: Soạn thảo, rà soát lại tất cả các loại hợp đồng trước khi công ty ký kết. Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong tất cả các hoạt động có liên quan. Thường xuyên cập nhật các thay đổi của Luật và những văn bản dưới luật, chính sách thuế...
Rủi ro kiệt giá tài chính	Rủi ro tỷ giá	Đa số các hợp đồng nhập khẩu bằng đồng USD, thời gian qua biến động mạnh và khan hiếm. Tỷ giá sẽ linh hoạt theo thị trường sau lần điều chỉnh ngày 11/02/2011 để tăng tính thanh	Cập nhật những thông tin dự báo về xu hướng tỷ giá từ ngân hàng và các tổ chức uy tín. Tiếp tục sử dụng công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi

		khoản cho USD. Tuy nhiên tỷ giá được dự báo còn tiếp tục tăng, có thể làm tăng chi phí tài chính của công ty.	ro tỷ giá, liên kết tốt với ngân hàng thanh toán.
	Rủi ro lãi suất	Lạm phát tăng kéo theo lãi suất. Lãi suất năm 2011 cao bất lợi cho sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng của công ty. Các cổ đông cũng đòi hỏi tỷ suất sinh lời cao hơn, tạo thêm áp lực cho Ban điều hành.	Tăng vòng quay vốn lưu động Phát hành tăng vốn điều lệ lên 160 tỷ đáp ứng vốn lưu động và đầu tư hệ thống phân phối. Nhà máy Cephalosporin đi vào hoạt động sẽ tăng quy mô doanh thu và lợi nhuận đáng kể, giúp cải thiện các chỉ số khả năng sinh lời của Imexpharm.
	Rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào	Hiện tại công ty phải nhập khẩu 90% nguyên vật liệu và chiếm 40%-50% trong cơ cấu giá vốn, cho thấy tác động lớn của nguyên vật liệu đến tỷ lệ lãi gộp. Giá cả nguyên vật liệu có xu hướng tăng do giá dầu mỏ tăng, thiên tai và các quốc gia dự trữ nguyên liệu dự phòng.	Chủ động ký hợp đồng cung ứng với các đối tác cho cả năm nên hạn chế tối đa sự biến động giá. Đa số các nhà cung ứng cho Imexpharm là đối tác truyền thống nên cũng được sự đảm bảo từ các đối tác về nguồn cung ứng và giá tốt hơn so với những đơn vị nhập khẩu không thường xuyên.
Rủi ro kế toán	Rủi ro tuân thủ các quy chế và chính sách nội bộ về kế toán	Chính sách bán hàng và quy chế phân cấp tài chính, quy chế quản lý tiền mặt đến các chi nhánh có thể không được thực hiện đúng, thất thoát tài sản công ty.	Kiểm toán nội bộ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế, chính sách nội bộ toàn công ty. Bộ phận bán hàng, phòng kế toán thực hiện báo cáo nội bộ hàng tháng.
	Rủi ro phần mềm kế toán	Các quy định về kế toán và bán hàng có thay đổi mà phần mềm không thể cập nhật. Sự cố làm mất dữ liệu hệ thống, gây gián đoạn hoạt động toàn công ty.	Nâng cấp chương trình, theo dõi cập nhật kịp thời các thay đổi của quy định kế toán. Hoàn chỉnh hệ thống Server Backup data cho toàn hệ thống Tăng cường an ninh và thông suốt mạng.

Rủi ro tín dụng	Rủi ro nợ phải thu	Mặc dù đã dự phòng đầy đủ nhưng vẫn có khả năng phát sinh những khoản nợ khó đòi, dây dưa, tốn thắt vốn hoạt động của công ty.	Đánh giá lại mức tín dụng của khách hàng lớn và cấp hạn mức tín dụng mới. Tính tuổi nợ, tăng cường thu hồi công nợ. Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.
Rủi ro kinh doanh	Rủi ro ngành Dược	Đây là rủi ro đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh cho người, với tài sản lưu động lớn hơn tài sản cố định. Tài sản chính là công thức, công nghệ và bản quyền.	Thực hiện nghiêm ngặt quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn của WHO, EU, TQM... Kiểm nghiệm chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra. Nguồn nguyên liệu phần lớn từ Châu Âu. Chất lượng là yếu tố cốt lõi sống còn của công ty, luôn luôn được đưa lên hàng đầu.
	Rủi ro nhân sự	Rủi ro nhân sự cấp cao không tiếp tục làm việc nhưng không tìm được người đủ năng lực để thay thế. Điều này ảnh hưởng chiến lược, định hướng của công ty. Sự thiếu hụt nhân sự có chuyên môn cao, nhân sự có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty	Có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kế thừa. Chính sách lương thường, đãi ngộ phù hợp. Thực hiện chương trình ESOP cuối năm 2010 đến 2012. Tài trợ học bổng cho sinh viên đại học Y dược và các ngành khác để thu hút nhân tài.

IV. Định hướng năm 2011

Năm 2011 là năm đặc biệt khó khăn và thách thức lớn cho các doanh nghiệp do chịu tác động điều chỉnh từ chính sách vĩ mô của Nhà nước, doanh nghiệp cần phải củng cố, bổ sung các nguồn lực và chuẩn bị giải pháp đồng bộ, linh hoạt để ứng phó kịp thời với các tình huống xấu có thể xảy ra: lạm phát có thể sẽ tiếp tục tăng, giá điện, xăng dầu tăng ngay từ quý I/2011, tỷ giá đồng USD/VND cũng đã được Ngân hàng nhà nước điều chỉnh tăng đồng nghĩa với việc giá cả đầu vào sẽ còn rất nhiều biến động.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và các dự báo thị trường, Hội đồng Quản Trị Công ty CPDP Imexpharm xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau:

Mục tiêu, kế hoạch năm 2011

- Tổng doanh thu: 800 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 100 tỷ đồng.
- Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất thuốc chích thuộc nhóm βlactam.
- Khai thác hiệu quả các nhà máy đã đầu tư, đặc biệt nhà máy Cephalosporin Bình Dương.
- Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược liên doanh, liên kết trong sản xuất với các Công ty dược trong và ngoài nước.
- Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, công nợ, dòng tiền nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, theo dõi tình hình biến động kinh tế, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên phụ liệu để có giải pháp kịp thời.

Giải pháp trọng yếu cần tập trung

- Các giải pháp đảm bảo nhu cầu vốn, ngoại tệ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Theo dõi tình hình biến động kinh tế, giá cả nguyên vật liệu đầu vào và tỷ giá ngoại tệ nhằm đưa ra giải pháp hiệu quả, kịp thời để hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh..
- Quản lý chặt chẽ chi phí: nâng cao ý thức tiết kiệm, từng bước thực hiện tiết giảm chi phí bán hàng thông qua việc cải tiến chính sách bán hàng và tập trung nhóm sản phẩm chủ lực hiệu quả.
- Mở rộng và phát triển hiệu quả mạng lưới phân phối và xây dựng cơ sở vật chất tại các khu vực bán hàng, triển khai áp dụng các tiêu chuẩn GSP, GDP, GPP trong hệ thống phân phối.
- Đẩy mạnh các hoạt động Marketing: tập trung chăm sóc khách hàng lớn, đầu tư thương hiệu sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh.
- Tiếp tục triển khai áp dụng Quản lý Chất lượng Toàn diện (TQM).
- Nâng cao hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm chỉnh theo tiêu chuẩn quy định.
- Chủ trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển của Công ty; nâng cao công tác quản trị nhân sự, đào tạo kỹ năng, kiến thức và thường xuyên quan tâm bồi dưỡng bản sắc văn hóa Imexpharm.

V. Chiến lược phát triển đến 2015

1. Triển vọng phát triển của ngành dược Việt Nam

Ngành dược Việt Nam còn non trẻ và có tiềm năng phát triển cao. Sự phát triển cao và ổn định của ngành Dược những năm qua (18-20%) là nhờ nhu cầu về thuốc ngày càng tăng, do dân số tăng và mức sống người dân được nâng cao. Tuy nhiên, tỷ trọng thuốc sản xuất trong nước so với tổng tiền thuốc tiêu thụ còn thấp, chưa đến 50%, chủ yếu là thuốc thông thường, nhưng khả năng cạnh tranh của các công ty dược trong nước ngày càng cải thiện đáng kể.

- Năm 2010, tiêu thụ thuốc sản xuất trong nước đạt hơn 900 triệu USD, đạt 47,37% tổng tiền thuốc tiêu thụ; thấp hơn mục tiêu của Chính phủ đặt ra cuối quý IV/2009 là Công nghiệp Dược nội địa sẽ chiếm 60% năm 2010.
- Theo dự báo của BMI, tổng tiền thuốc sử dụng đến 2019 có thể đạt 6,1 tỷ USD, tăng gấp 3,2 lần so với năm 2010 (1,9 tỷ USD). Tiền thuốc tiêu thụ bình quân đầu người cũng tăng từ 22,25 USD/người/năm của năm 2010 lên 60,3 USD/người/năm trong năm 2019.

2. Phân tích SWOT

Điểm mạnh:

- Imexpharm là doanh nghiệp có quy mô lớn trong ngành dược, hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất hiện đại . Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Chất lượng sản phẩm của công ty đã được khách hàng tín nhiệm.
- Đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ, được đào tạo chuyên nghiệp, nắm vững công nghệ và có kinh nghiệm.
- Công ty dược Việt Nam hàng đầu trong sản xuất liên doanh, nhượng quyền với các tập đoàn đa quốc gia.
- Không ngừng phát triển sản phẩm mới.

Điểm yếu:

- Mạng lưới phân phối còn hạn chế. Mạng lưới phân phối chỉ phát triển mạnh tại thị trường Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP Hồ Chí Minh và Miền Đông Nam Bộ, thị trường Miền Trung và Miền Bắc còn mỏng và yếu.
- Giá bán sản phẩm trên thị trường cao.

Cơ hội:

- Dân số Việt Nam ngày càng tăng, mức sống và thu nhập người dân ngày càng nâng cao, sức khỏe con người được quan tâm nhiều hơn tạo điều kiện phát triển cho ngành dược.
- Thị phần thuốc sản xuất trong nước chỉ mới đáp ứng 50% nhu cầu điều trị của người dân Việt Nam.
- Chính phủ đang khuyến khích người Việt dùng hàng Việt và gia tăng sản xuất nguyên liệu để chủ động hơn nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Rào cản gia nhập ngành hiện nay còn cao đối với doanh nghiệp mới muốn tham gia sản xuất thuốc hoặc phân phối do các tiêu chuẩn của ngành dược Việt Nam và Tổ Chức Y Tế Thế Giới.

Thách thức:

- Gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO), Việt Nam phải cắt bỏ việc bảo hộ từ chính phủ, điều này sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh trong ngành dược từ phía công ty nước ngoài cũng như từ phía các doanh nghiệp trong ngành.
- Giá bán sản phẩm chịu sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước. CPI tháng 12 năm 2010 so với cùng kỳ 2009 là 11,75%, nhưng CPI của thuốc và dịch vụ y tế rất thấp chỉ 4,16%, thấp thứ 3 trong rõ CPI gồm 11 nhóm với 7 nhóm chịu sự kiểm soát.
- Mẫu mã và chất lượng sản phẩm của các công ty cùng ngành ngày càng hoàn thiện và nâng cao. Bị xâm chiếm thị phần bởi các mặt hàng giá rẻ, hàng giả trên thị trường.
- Tỷ giá hối đoái biến động tăng mạnh, nguyên liệu ngoại nhập chiếm 90% nhằm đảm bảo chất lượng, vì vậy sẽ bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá hối đoái, điều này đòi hỏi công ty phải có sự linh hoạt trong lựa chọn thời điểm nhập khẩu và tồn trữ nguyên liệu hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.
- Một số chính sách trong quản lý ngành chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh nên doanh nghiệp gặp nhiều bất cập khi thực hiện.

3. Chiến lược Imexpharm đến 2015, tầm nhìn 2020

Chiến lược Giai đoạn 2011 đến 2015

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ 12% đến 15%/năm; doanh thu đến 2015 đạt 1.300 tỷ, lợi nhuận đến 2015 đạt 180 tỷ, doanh thu xuất khẩu đạt 5% đến 10%/doanh thu.
- Vốn điều lệ tăng lên 300 tỷ nhằm đáp ứng cho nhu cầu mở rộng đầu tư, duy trì mức độ tăng trưởng và phát triển của Công ty
- Tăng cường liên doanh, liên kết với các Công ty dược trong và ngoài nước; Trở thành Công ty dược Việt Nam hàng đầu trong sản xuất liên doanh, nhượng quyền với các tập đoàn đa quốc gia; Đầu tư xây dựng mới Nhà máy Non Betalactam, Nhà máy liên doanh với các tập đoàn đa quốc gia khu vực Châu Âu, châu Mỹ.
- Xây dựng thương hiệu Imexpharm: giữ vững thương hiệu hàng đầu ngành công nghiệp dược Việt Nam với các sản phẩm chất lượng, an toàn và hiệu quả trong điều trị. Xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực từ 20 đến 30 sản phẩm/năm.
- Phát triển hệ thống phân phối đủ mạnh, chuyên nghiệp để cung cấp hàng hóa cho thị trường. Mở 01 chi nhánh bán hàng, nghiên cứu sản phẩm tại nước ngoài.
- Liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và khai thác hiệu quả các Nhà máy hiện có. Đầu tư chiều sâu cho nghiên cứu, phát triển nhóm sản phẩm mới theo diễn biến bệnh tật tại Việt Nam: tim mạch, tiểu đường, kháng sinh thế hệ mới dạng uống và tiêm. Đưa ra thị trường từ 10 đến 20 sản phẩm mới/năm. Thị phần chiếm 5% tổng thị phần thuốc tiêu thụ trong nước.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ khoa học kỹ thuật, đội ngũ bán hàng. Lấy nguồn nhân lực làm trọng tâm để thể hiện hình ảnh và văn hóa Imexpharm đến với cộng đồng. Đến 2015 số lượng nhân viên là 1.000 người, với thu nhập bình quân là 180 triệu đồng/năm.

Tầm nhìn đến 2020

- Doanh thu: 2.800 tỷ, lợi nhuận 350 tỷ, xuất khẩu chiếm 5% đến 10%/Tổng doanh thu
- Vốn điều lệ 500 tỷ, vốn hóa thị trường 200 triệu USD
- Nhân sự 1.200 người với lương bình quân là 240 triệu đồng/người/năm
- Thị phần dược phẩm chiếm 6%
- Trở thành Công ty dược hàng đầu Việt Nam trong sản xuất liên doanh nhượng quyền với các tập đoàn đa quốc gia, sản xuất các dòng sản phẩm dược chất lượng cao có thể thay thế hàng nhập khẩu nhằm phục vụ điều trị bệnh cho cộng đồng hiệu quả với chi phí hợp lý.

Với năng lực sản xuất và tài chính, tiềm năng phát triển hiện có, chúng tôi tin tưởng các chiến lược quản lý trung và dài hạn sẽ giúp cho những mục tiêu trên trở thành hiện thực một cách vững chắc, mang đến giá trị tăng thêm cho quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các bên có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



DS. TRẦN THỊ ĐÀO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2010, kinh tế Việt Nam đã có sự hồi phục và đạt được tốc độ tăng trưởng khá, GDP cả nước đạt 6,78%. Tuy nhiên, để có được GDP tăng trưởng 6,78% thì tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã vượt qua 2 con số ở mức 11,75%, cao hơn nhiều so với mục tiêu Quốc hội đề ra là 8% và ngoài dự kiến của các chuyên gia. Điều này cho thấy sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm qua là chưa thật sự bền vững.Thêm vào đó, tuy khủng hoảng đã qua nhưng hậu quả của nó vẫn còn nặng nề cùng với các chính sách điều hành của Chính phủ như: phá giá Việt Nam Đồng, tăng lãi suất tín dụng, ... làm giá cả gia tăng gây khó khăn rất lớn cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh do áp lực chi phí đầu vào tăng cao. Nhất là đối với các doanh nghiệp ngành Dược phải lệ thuộc trên 90% nguồn nguyên liệu nhập khẩu nhưng giá đầu ra bị kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó việc thực hiện cam kết với WTO, nhiều công ty Dược phẩm nước ngoài trực tiếp nhập khẩu vào Việt Nam ngày càng nhiều làm gia tăng áp lực cạnh tranh không những chỉ giữa các doanh nghiệp trong nước mà còn với doanh nghiệp nước ngoài ngày càng gay gắt.

Tuy nhiên, do dự báo trước được những khó khăn phải đối mặt, công ty đã có sự chuẩn bị khá tốt và ứng phó linh hoạt, kịp thời trong điều hành của HĐQT và Ban TGĐ. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn đội ngũ CBCNV và sự hỗ trợ của các nhà đầu tư, quý cổ đông, năm 2010 Imexpharm đã vượt qua khó khăn tiếp tục chứng minh và khẳng định Imexpharm là một thương hiệu mạnh trong ngành Dược luôn phát triển bền vững, thể hiện qua kết quả tài chính đã đạt được như sau:

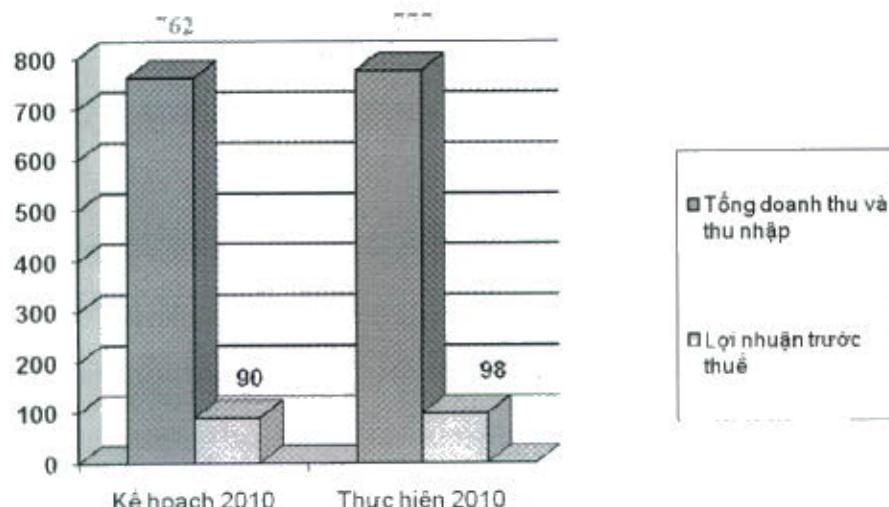
I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Thực hiện sản xuất kinh doanh so với kế hoạch 2010

Đvt: Triệu đồng

Chi tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH 2010/ KH 2010
- Tổng doanh thu và thu nhập	762.000	777.563	102,04%
- Lợi nhuận trước thuế	90.000	98.121	109,02%

Thực hiện năm 2010 so với kế hoạch 2010



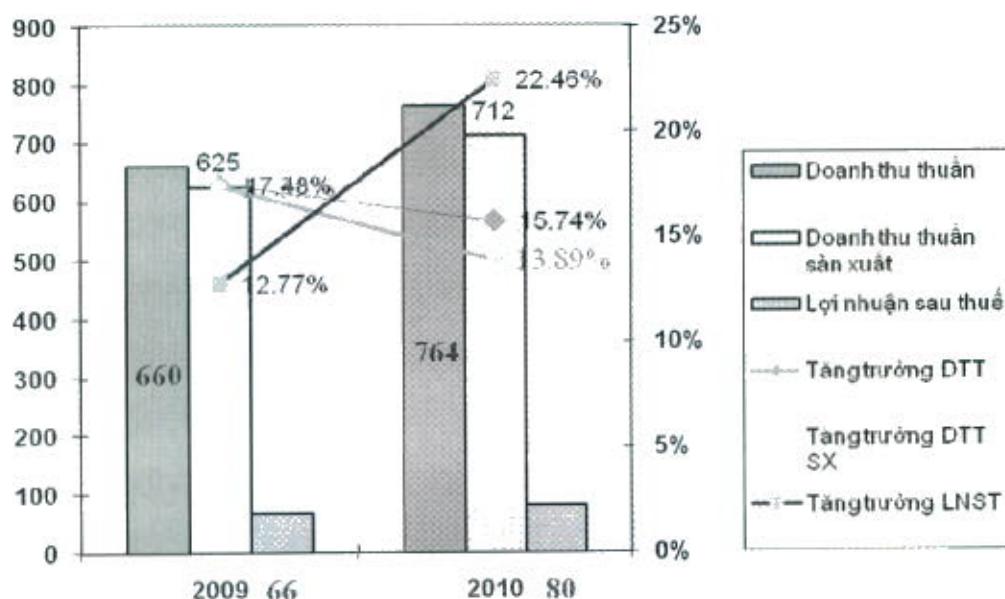
Kết quả trên cho thấy trong điều kiện khó khăn và áp lực cạnh tranh công ty đã nỗ lực hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận mà Đại Hội đồng cổ đông năm 2009 đã thông qua lần lượt là 2,04% và 9,02%.

So với thực hiện 2009

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Thực hiện 2010/ Thực hiện 2009
Tổng doanh thu	708.461	777.563	109,75%
Doanh thu thuần	660.076	763.995	115,74%
TĐ: Doanh thu sản xuất	625.285	712.150	113,89%
Lãi gộp	293.432	352.896	120,26%
Chi phí bán hàng	181.876	220.269	121,10%
Chi phí quản lý	29.965	35.441	118,27%
Lợi nhuận trước thuế	80.528	98.121	121,85%
Lợi nhuận sau thuế	65.706	80.465	122,46%

Kết quả kinh doanh 2010 so với 2009



So với năm 2009, tổng doanh thu năm 2010 thực hiện 777,56 tỷ tăng trưởng 9,75%, doanh thu thuần thực hiện 763,99 tỷ tăng trưởng 15,74% và doanh thu sản xuất thực hiện 712,15 tỷ tăng trưởng 13,89% chiếm tỷ trọng 91,59% trên tổng doanh thu, so với năm 2009 là 88,26%. Doanh thu hàng sản xuất tăng trưởng là do công ty bổ sung thêm sản phẩm mới, mở rộng độ bao phủ trên thị trường, đặc biệt là vào hệ điều trị. Điều này cho thấy công ty đang phát triển theo đúng định hướng mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

Lãi gộp thực hiện tăng trưởng 20,26% cao hơn tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần, cho thấy năm qua công ty kiểm soát tốt chi phí đầu vào sản xuất trong điều kiện giá nguyên liệu đầu vào tăng cao để giảm giá thành sản phẩm.

Chi phí bán hàng thực hiện 220,27 tỷ tăng 21,10% cao hơn tăng trưởng lãi gộp 0,84%. Nếu tính theo tỷ trọng doanh thu thuần thì chi phí bán hàng năm 2010 là 28,83% cao hơn năm 2009 là 1,28% là do công ty đang phát triển sản phẩm mới, mở rộng hệ thống phân phối, đội ngũ bán hàng cũng như tăng cường các hoạt động tiếp thị, quảng bá, nghiên cứu thị trường nhằm giới thiệu sản phẩm và thương hiệu Imexpharm đến cộng đồng.

Chi phí quản lý thực hiện 35,44 tỷ tăng 18,27%, tính theo tỷ trọng doanh thu thuần thì chi phí quản lý năm 2010 là 4,64% tương đương với năm 2009 là 4,54% cho thấy khoản chi phí này tương đối ổn định trong cơ cấu doanh thu qua các năm.

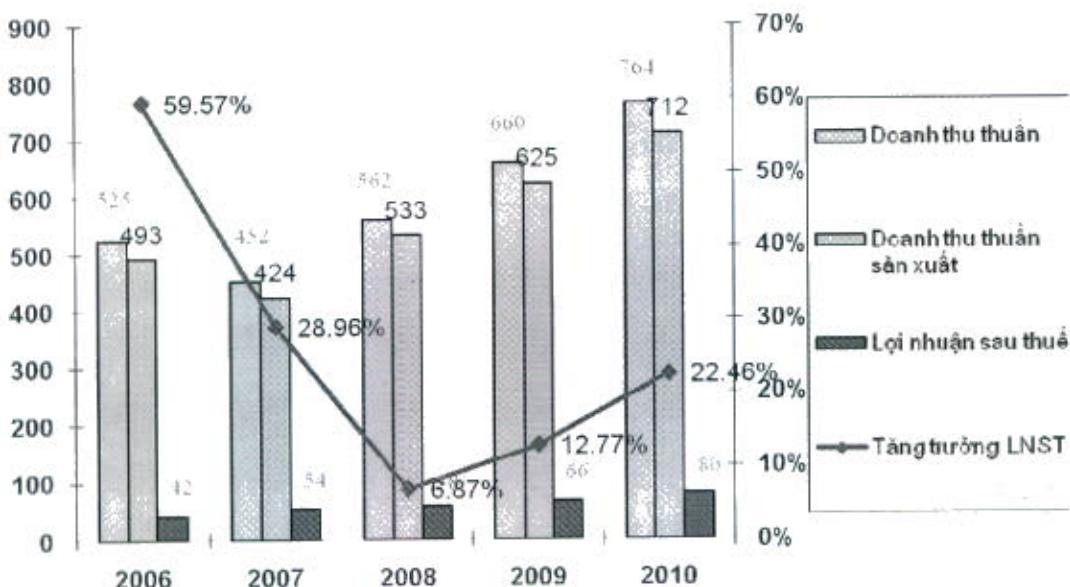
Lợi nhuận trước thuế thực hiện 98,12 tỷ tăng 21,85% chiếm tỷ trọng 12,62% trong tổng doanh thu so với năm 2009 là 11,37%. Lợi nhuận sau thuế thực hiện 80,46 tỷ tăng 22,46% chiếm tỷ trọng 10,35% trong tổng doanh thu so với năm 2009 là 9,27% cho thấy công ty đã duy trì được tỷ lệ tăng trưởng tốt và ổn định.

Nhìn lại kết quả kinh doanh giai đoạn 2006-2010 (từ khi niêm yết cổ phiếu đến nay).

Sau 5 năm niêm yết, doanh thu và lợi nhuận của IMEXPHARM tăng trưởng khá nhanh và đều đặn qua các năm. Tổng doanh thu năm 2010 bằng 1,45 lần năm 2006, lợi nhuận sau thuế bằng 1,9

lần. Như vậy trung bình giai đoạn này, doanh thu thuần tăng trưởng 11,38%/năm, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 22,62%/năm.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2006-2010



II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn:

Tài sản

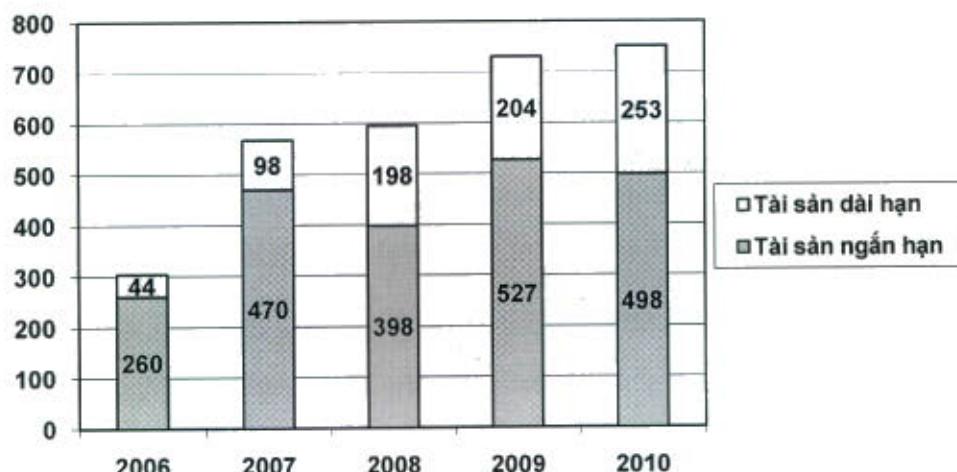
ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	Số đầu Năm 2010	Số cuối Năm 2010	Tỷ lệ %
TỔNG TÀI SẢN	731.47	751.00	102.67%
A. Tài sản ngắn hạn	527.19	497.69	94.40%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	135.04	111.01	82.20%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.81	3.60	28.10%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	175.89	199.98	113.70%
IV. Hàng tồn kho	195.92	172.67	88.13%
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.53	10.42	138.38%
B. Tài sản dài hạn	204.28	253.31	124.00%
I. Tài sản cố định	152.34	205.07	134.61%
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	37.65	33.81	89.80%
III. Tài sản dài hạn khác	14.29	14.43	100.98%

Tổng tài sản cuối năm 2010 là 751 tỷ tăng 2,67% so với đầu năm, chủ yếu là tăng tài sản dài hạn từ 204 tỷ lên 253 tỷ do kết chuyển tăng tài sản cố định nhà máy Cefa Bình Dương hoàn thành đưa vào hoạt động từ tháng 9 năm 2010 còn tài sản ngắn hạn giảm 5,60%. Trong đó, tiền và các khoản tương đương giảm 17,80% do giải ngân cho nhà máy Cefa Bình Dương; hàng tồn kho

và khoản nợ nhà phân phối hàng nhượng quyền Sandoz ở cuối năm chưa kịp thanh toán. Các khoản nợ này đều là nợ có khả năng thanh toán, được quản lý chặt chẽ và lập dự phòng theo đúng quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tình hình tài sản 2006-2010



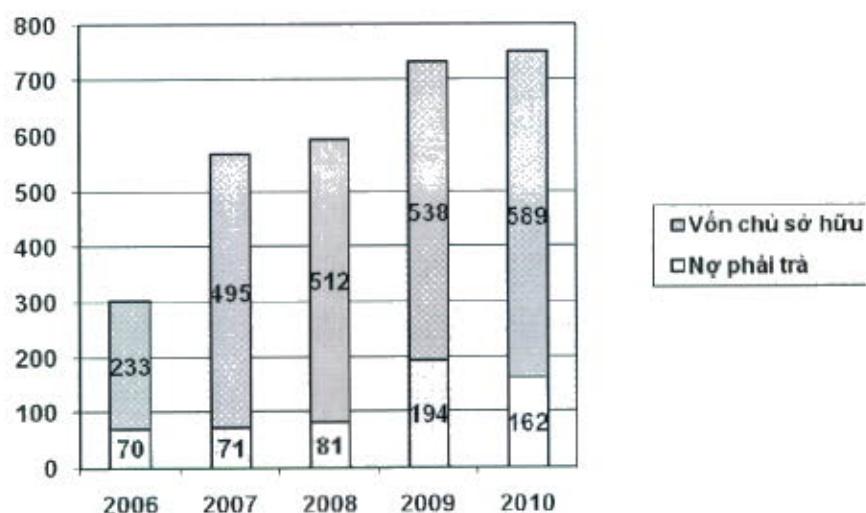
Nguồn vốn

Chi tiêu	Số đầu năm 2010	Số cuối năm 2010	Tỷ lệ %
TỔNG NGUỒN VỐN	731.47	751.00	102.67%
A. Nợ phải trả	193.74	161.74	83.48%
I. Nợ ngắn hạn	182.93	160.03	87.48%
II. Nợ dài hạn	10.81	1.71	15.82%
B. Vốn chủ sở hữu	537.73	589.26	109.58%
I. Vốn chủ sở hữu	537.73	589.26	109.58%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	116.60	116.60	100.00%
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0.00	0.00	

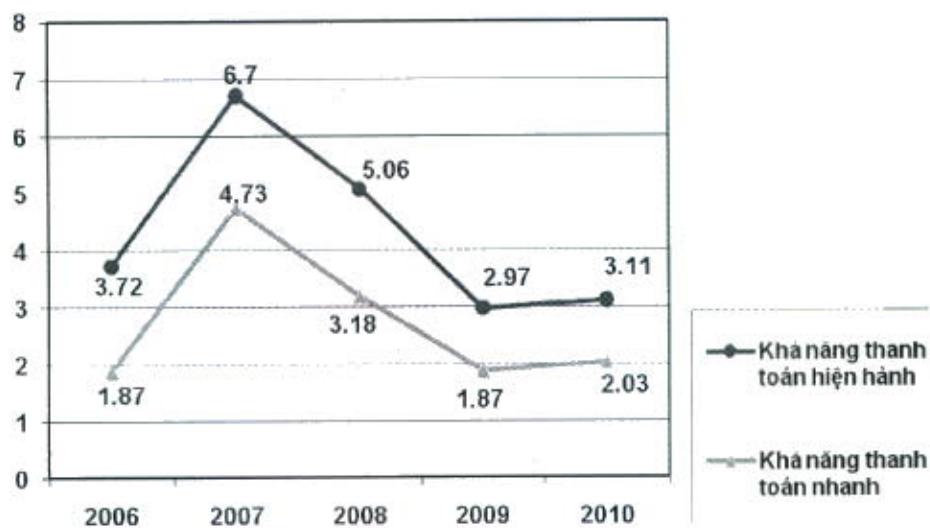
Tổng nguồn vốn cuối năm 2010 tăng so với đầu năm 2,67% là do vốn chủ sở hữu tăng thêm từ 537,7 tỷ lên 589 tỷ chủ yếu từ kết quả lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 mang lại và từ việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, tỷ trọng vốn chủ sở hữu cuối năm là 78,46% tăng so với đầu năm là 4,95% và nợ phải trả chiếm 21,5%. Điều này cho thấy tiềm lực tài chính của công ty vững mạnh là yếu tố thuận lợi giúp công ty đương đầu với những biến động của nền kinh tế và cạnh tranh khốc liệt trong cơ chế kinh tế thị trường.

Tình hình nguồn vốn 2006-2010



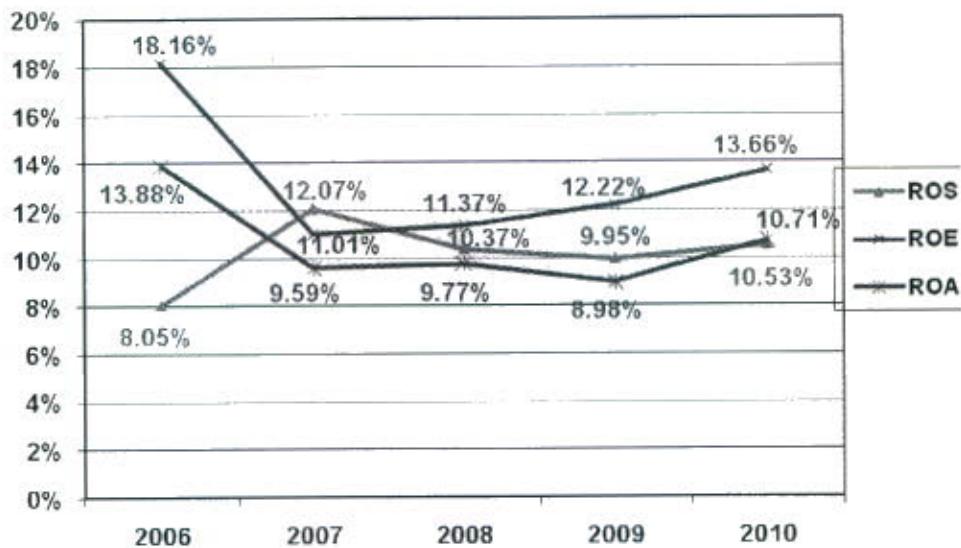
2. Khả năng thanh toán



Các hệ số thanh toán qua các năm của Imexpharm luôn ở mức cao nhất là năm 2007 do công ty mới phát hành, cho thấy một tình hình tài chính an toàn. Tuy nhiên, hệ số thanh toán quá cao cũng thể hiện hiệu quả việc sử dụng vốn lưu động, nhất là nguồn tiền mặt chưa cao. Các hệ số này đã giảm khi Imexpharm giải ngân vốn vào dự án nhà máy Bình Dương. Từ năm 2009 hệ số thanh toán tiền về mức hợp lý, đồng nghĩa với hiệu quả sử dụng vốn lưu động được cải thiện tốt hơn.

3. Hiệu quả hoạt động

Hiệu quả hoạt động của công ty năm 2010 tăng so với năm 2009, thể hiện qua sự tăng của các chỉ số ROS, ROE và ROA.



Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) năm 2010 là 10,53% so với năm 2009 là 9,95% tăng 5,82%.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) năm 2010 là 10,71% so với năm 2009 là 8,98% tăng 19,27%.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2010 là 13,66% so với năm 2009 là 12,22% tăng 11,78%.

Qua đó cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty đang phát triển rất tốt.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của năm tài chính 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/03/2011 như sau:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2010		98.120.827.716
2	Thuế TNDN		26.331.343.056
	Trong đó: - Số phải nộp		17.655.165.519
	- Số miễn giảm		8.676.177.537
3	Lợi nhuận sau thuế	100%	80.465.662.197
4	Chi trả cổ tức 22%/vốn điều lệ 152,145 tỷ	41.59%	33.471.900.000
5	Quỹ đầu tư phát triển	39.08%	31.442.916.191
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.00%	12.069.849.329
7	Chi phí HDQT và BKS do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, theo khoản 11 điều 25 Điều lệ công ty	1.18%	949.816.677
	Trong đó: - Hoàn thành kế hoạch		804.656.622
	- Vuột kế hoạch 9,02%		145.160.055
8	Quỹ dự phòng tài chính	3.15%	2.531.180.000

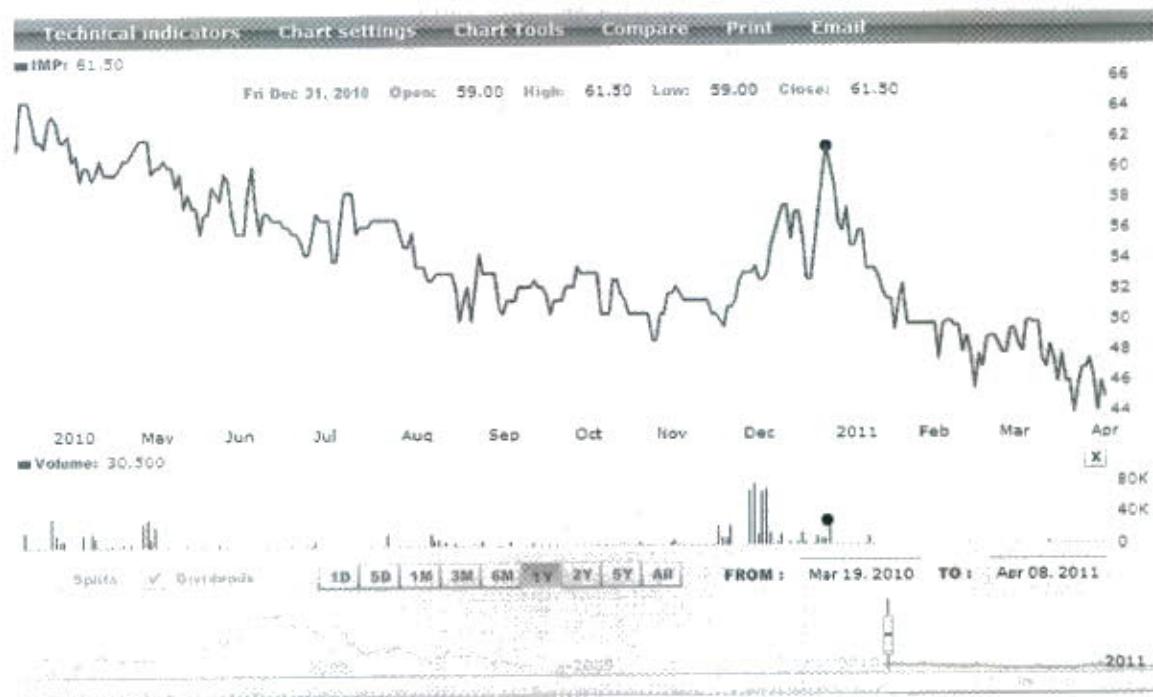
Phương án sử dụng các quỹ:

- **Quỹ dự phòng tài chính:** Dùng để bù đắp những thiệt hại trong quá trình hoạt động của công ty (nếu có); Do Hội đồng quản trị công ty quyết định sử dụng.
- **Quỹ đầu tư phát triển:** Dùng để đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển công ty, do Hội đồng quản trị công ty quyết định. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy số liệu thuế sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Trong trường hợp có sự chênh lệch về thuế thì công ty sẽ sử dụng nguồn quỹ đầu tư và phát triển để bù đắp.
- **Quỹ khen thưởng:** Dùng để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên, các cá nhân, tập thể có thành tích tốt đóng góp cho quá trình hoạt động, phát triển công ty, do Tổng Giám đốc công ty quyết định sau khi tham khảo với cấp Uỷ và Ban chấp hành Công Đoàn của công ty.
- **Quỹ phúc lợi:** Dùng để chi hỗ trợ cho các hoạt động nhằm cải thiện điều kiện sinh hoạt, sức khoẻ, tinh thần của cán bộ công nhân viên công ty, các cơ quan, tổ chức xã hội; Do Tổng Giám đốc Công ty quyết định sau khi tham khảo với cấp Uỷ và Ban chấp hành Công Đoàn của công ty.
- **Cổ tức:** sẽ được thông báo và chia cho cổ đông chậm nhất trong thời hạn 60 ngày sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010.

IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU IMP

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	: 6.935 đồng
Cổ tức trên mỗi cổ phần (DPS)	: 2.200 đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)	: 50.538 đồng
Giá thị trường ngày 31/12/2010	: 61.500 đồng/cổ phiếu
Giá cao nhất 52 tuần qua	: 64.600 đồng/cổ phiếu
Giá thấp nhất 52 tuần qua	: 44.000 đồng/cổ phiếu
P/B	: 1,22 lần
P/E	: 8,87 lần
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 11.659.820 cổ phiếu
Giá trị vốn hóa thị trường	: 717 tỷ đồng
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Thay đổi vốn điều lệ:	: không có

Biểu đồ giao dịch cổ phiếu IMP 52 tuần qua



(Nguồn: vndirect.com.vn)

V. NHỮNG TIỀN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trải qua một năm hết sức khó khăn như năm 2010, nhưng công ty đã đạt được những tiền bộ đáng ghi nhận như sau:

- Kiểm soát tốt chi phí đầu vào, hợp lý hóa sản xuất, kết quả là tỷ lệ lãi gộp tăng từ 44,45% năm 2009 lên 46,19% năm 2011.
- Đối với rủi ro tỷ giá: nhờ công ty sử dụng tốt các công cụ phái sinh và liên kết tốt với ngân hàng, vì vậy rủi ro tỷ giá khi mua đồng ngoại tệ để thanh toán giảm đáng kể, với tỷ giá bình quân mua ngoại tệ trong năm khá thấp so với diễn biến tỷ giá trong năm.
- Ngày càng định hình rõ cơ cấu sản phẩm chủ lực, đạt thành công trong nguyên tắc: 20% số mặt hàng sản xuất chiếm 80% tổng doanh số. Trong đó hàng tự sản xuất thương hiệu Imexpharm ngày càng chiếm tỷ trọng cao, trên 75% và được giới điều trị đánh giá tốt đáp ứng được yêu cầu điều trị.
- Hệ thống quản lý chất lượng ngày một nâng cao, đáp ứng tốt đợt tái đánh giá GMP-WHO lần 2 năm 2010 kể từ lần đầu tiên cuối năm 2006, và các đợt đánh giá nghiêm ngặt khác của đối tác sản xuất.

VI. KẾ HOẠCH 2011

Năm 2010, tuy kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng khá, nhiều doanh nghiệp đã vượt qua được khó khăn, lấy lại đà hồi phục nhưng còn nhiều rủi ro tiềm ẩn do tác động của hậu khủng hoảng làm suy yếu nguồn lực của quốc gia như: tình trạng nhập siêu, bội chi ngân sách và lạm phát ở mức cao.Thêm vào đó để thực hiện các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát, Chính phủ buộc phải thực hiện chính sách cắt giảm chi công, điều chỉnh tăng giá xăng, dầu, tiếp tục phá giá Việt Nam Đồng, tăng lãi suất tín dụng,... Cùng với xu hướng giá nguyên liệu thế giới đang tăng trở lại tạo áp lực gia tăng chi phí đầu vào rất lớn, cho thấy năm 2011 là

năm đặc biệt khó khăn và thách thức lớn cho các doanh nghiệp do chịu tác động điều chỉnh từ các chính sách vĩ mô của Nhà nước. Các doanh nghiệp cần phải củng cố, bổ sung nguồn lực và chuẩn bị các giải pháp đồng bộ, linh hoạt để ứng phó kịp thời với các tình huống xấu có thể xảy ra.

Với chiến lược phát triển ổn định và bền vững, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Imexpharm xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác tài chính năm 2011 là đảm bảo nền tài chính công ty phải vững mạnh để góp phần quan trọng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế cơ bản:

Chi tiêu	ĐVT	KH. 2011	Tỷ lệ % 2011/2010
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	800	102.89
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	101,92

Vì vậy, Nhiệm vụ trọng tâm của công tác tài chính năm 2011:

- Đảm bảo nhu cầu vốn, ngoại tệ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2011.
- Kiểm soát tốt chi phí đầu vào để giảm giá thành sản phẩm. Phân tích, dự báo biến động giá cả nguyên vật liệu, tỷ giá ngoại tệ, thực hiện chiến lược dự trữ tối ưu cho sản xuất.
- Kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, dòng tiền để không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng dòng vốn thông qua các chỉ số: ROS, ROE, ROA.
- Tăng cường gặp mặt, tiếp xúc với các cổ đông và nhà đầu tư để trao đổi thông tin. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo và công bố thông tin minh bạch về kết quả tài chính và tình hình hoạt động của công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư.

Trên đây là kết quả tài chính thực hiện năm 2010 và một số công tác tài chính trọng tâm năm 2011 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm.



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÀNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
IMEXPHARM

BÀNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có
ghi chú khác*

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		497,687,799,358	527,191,362,616
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	111,006,558,369	135,040,362,163
1. Tiền	111		12,156,558,369	38,188,705,816
2. Các khoản tương đương tiền	112		98,850,000,000	96,851,656,347
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3,601,370,000	12,808,230,079
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6,829,361,770	15,528,721,770
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(3,227,991,770)	(2,720,491,691)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	199,980,951,371	175,894,946,772
1. Phải thu khách hàng	131		193,039,884,714	158,194,094,276
2. Trả trước cho người bán	132		14,831,329,008	18,008,166,237
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		996,078,349	3,555,940,844
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8,886,340,700)	(3,863,254,585)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	172,674,152,596	195,920,860,918
1. Hàng tồn kho	141		173,357,386,690	196,943,207,259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(683,234,094)	(1,022,346,341)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10,424,767,022	7,526,962,684
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43,324,245	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,908,447,823	537,837,302
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		87,003,367	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	7,385,991,587	6,989,125,382

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		253,312,521,105	204,277,560,874
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		205,072,858,494	152,338,481,860
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	144,801,049,985	41,741,255,762
+ Nguyên giá	222		237,011,718,922	132,360,994,776
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92,210,668,937)	(90,619,739,014)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	55,801,160,681	55,070,374,842
+ Nguyên giá	228		57,944,913,743	56,444,913,743
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,143,753,062)	(1,374,538,901)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	4,470,647,828	55,526,851,256
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	33,809,734,700	37,648,493,700
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19,810,876,700	19,810,876,700
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20,653,858,000	22,892,628,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(6,655,000,000)	(5,055,011,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14,429,927,911	14,290,585,314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	14,429,927,911	14,290,585,314
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		751,000,320,463	731,468,923,490

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		161,740,638,564	193,739,007,569
I. Nợ ngắn hạn	310		160,034,916,818	182,931,109,156
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	14,587,075,686	30,761,248,043
2. Phải trả người bán	312	5.12	74,783,665,627	56,364,422,820
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	21,746,555,009	46,624,828,362
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	9,261,104,527	23,076,948,167
5. Phải trả người lao động	315		8,540,113,595	6,642,709,588
6. Chi phí phải trả	316	5.14	22,534,687,713	9,239,615,790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ Kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	8,204,729,189	4,665,394,329
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	376,985,472	5,555,942,057
II. Nợ dài hạn	330		1,705,721,746	10,807,898,413
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	1,127,000,000	1,127,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	9,029,287,017
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		578,721,746	651,611,396
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		589,259,681,899	537,729,915,921
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	589,259,681,899	537,729,915,921
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116,598,200,000	116,598,200,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		267,450,449,609	267,362,709,609
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2,420,789,142	2,420,789,142
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3,287,060,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1,287,881,759)	(129,199,249)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		111,952,642,710	85,397,935,480
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,659,820,000	11,659,820,000

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	80,465,662,197	57,706,720,939
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	751,000,320,463	731,468,923,490

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	414,225,679	419,890,689	
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD	107,843.86	1,859,537.39	
+ EUR	-	89,933.17	
+ GBP	-	3,600.00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Tp. Cao Lãnh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	766,505,185,450	663,515,533,920
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	2,510,663,923	3,439,404,139
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	763,994,521,527	660,076,129,781
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	411,098,324,205	366,643,390,955
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		352,896,197,322	293,432,738,826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10,140,477,401	11,245,618,015
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8,028,882,512	9,684,938,019
Trong đó, chi phí lãi vay	23		2,443,259,953	1,796,689,873
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	220,269,736,819	181,876,679,376
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	35,440,715,188	29,965,004,278
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		99,297,340,204	83,151,735,168
11. Thu nhập khác	31	6.7	3,428,187,230	37,139,255,540
12. Chi phí khác	32	6.8	4,604,699,718	39,762,637,671
13. Lợi nhuận khác	40		(1,176,512,488)	(2,623,382,131)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98,120,827,716	80,528,353,037
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	17,655,165,519	14,336,242,419
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	485,389,680
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80,465,662,197	65,706,720,938
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.17	6,934	5,659

Tp. Cao Lãnh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú
khác*

CHỈ TIÊU	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	98,120,827,716	80,528,353,037	
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	16,747,340,529	12,535,128,011	
Các khoản dự phòng	6,791,462,947	3,708,346,103	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	-	-	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(5,762,995,781)	(4,605,836,921)	
Chi phí lãi vay	2,443,259,953	1,796,689,873	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	118,339,895,364	93,962,680,103	
Tăng, giảm các khoản phải thu	(28,273,613,469)	(50,666,800,800)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	23,585,820,569	(49,803,562,835)	
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	(22,492,874,873)	37,341,338,190	
Tăng giảm chi phí trả trước	(182,666,842)	1,359,348,970	
Tiền lãi vay đã trả	(2,443,259,953)	(1,796,689,873)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(27,900,216,828)	(13,226,434,155)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	24,650,503,207	21,324,678,859	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(34,432,314,722)	(53,362,918,747)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	50,851,272,453	(14,868,360,288)	

II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(38,349,308,336)	(41,370,914,892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	185,730,476	33,503,295,457
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(31,870,000)	(41,317,946,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4,120,000,000	56,736,896,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2,000,000,000	100,500,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6,036,130,576	5,338,823,476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(26,039,317,284)	12,990,654,041

III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	8,120,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(3,193,340,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	26,910,055,919	76,903,865,602
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(52,224,558,649)	(42,036,066,215)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(23,319,640,000)	(14,428,340,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(48,634,142,730)	25,366,119,387
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	(23,822,187,561)	23,488,413,140
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	135,040,362,163	110,880,677,264
Ânh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(211,616,233)	671,271,759
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	111,006,558,369	135,040,362,163

Tp. Cao Lãnh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN HOÀNG MINH TRÍ



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 06 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 116.598.200.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2010 gồm:

- Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh số 2-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: lô B15/1-B16/l, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 4: số 3-4, Block C4, khu dân cư 11D, phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh 3-Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương: số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, phường Hoà Phú, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tất Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cửu Long 5-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 1: đường Nguyễn Văn Voi, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Mua bán dược liệu
- Đầu tư tài chính

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:
 - + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
 - + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Bản quyền phần mềm máy tính	03 năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay

nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư mở rộng: miễn 1 năm, giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu được hưởng ưu đãi theo phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại. Công ty không hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại nên phần thu nhập tăng thêm được miễn thuế, giảm thuế trong năm 2010 được xác định theo tỷ lệ giữa giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh với tổng nguyên giá tài sản cố định thực tế dùng cho sản xuất, kinh doanh.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

Bảng cân đối kế toán

	Đầu năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Nguồn kinh phí, quỹ khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	5.555.942.057
Nợ ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.555.942.057	-
5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán		
5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.267.367.999	695.743.962
Tiền gửi ngân hàng	10.889.190.370	37.492.961.854
Các khoản tương đương tiền	98.850.000.000	96.851.656.347
Tổng cộng	111.006.558.369	135.040.362.163

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	5.929.361.770	7.398.721.770
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	8.130.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	6.829.361.770	15.528.721.770
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.227.991.770)	(2.720.491.691)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	3.601.370.000	12.808.230.079

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	16.380	729.800.000	16.380	729.800.000
Công ty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco	29.250	2.245.846.770	29.250	2.245.846.770
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	1.333	239.510.000	1.333	239.510.000
Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết	10.000	239.465.000	10.000	239.465.000
Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	13.000	500.000.000	10.000	500.000.000
Quỹ đầu tư chứng khoán VF1	50.000	1.954.100.000	50.000	1.954.100.000
Tập đoàn Bảo Việt	1.720	20.640.000	20.000	1.490.000.000
Cộng	121.683	5.929.361.770	136.963	7.398.721.770

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn:

- Về số lượng: tăng 3.000 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Về giá trị: không thay đổi

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt:

- Về số lượng: bán ra 20.000 cổ phiếu, mua vào 1.720 cổ phiếu.
- Về giá trị: giảm 1.490.000.000 đồng do bán ra, tăng 20.640.000 đồng do mua vào.

Đầu tư ngắn hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền gửi có kỳ hạn		900.000.000		4.600.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		3.530.000.000
Cộng		900.000.000		8.130.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC	16.380	(90.980.000)	16.380	-
Công ty Cổ Phần XNK Y Tế Domesco	29.250	(1.327.396.770)	29.250	(490.844.250)
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	1.333	(79.550.000)	1.333	(87.547.441)
Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết	10.000	(239.465.000)	10.000	-
Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	13.000	(116.500.000)	10.000	-
Quỹ đầu tư chứng khoán VF1	50.000	(1.374.100.000)	50.000	(1.264.100.000)
Tập đoàn Bảo Việt	1.720	-	20.000	(878.000.000)
Cộng	121.683	(3.227.991.770)	136.963	(2.720.491.691)

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	193.039.884.714	158.194.094.276
Trả trước cho người bán	14.831.329.008	18.008.166.237
Các khoản phải thu khác	996.078.349	3.555.940.844
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	208.867.292.071	179.758.201.357
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.886.340.700)	(3.863.254.585)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	199.980.951.371	175.894.946.772

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu do bán hàng cho các bên liên quan được chi tiết như sau – xem thêm mục 7:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	12.101.177.667	18.156.079.726
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang	-	7.022.254
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	96.551.008	373.400.656
Tổng cộng	12.197.728.675	18.536.502.636

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền ứng thiết kế Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương - Kiến trúc sư Nguyễn Đình Hiếu	-	50.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	57.666.667	1.874.977.221
Phải thu tiền bán cổ phần TTDL Đồng Tháp Mười	-	820.000.000
Phải thu thuê GTGT hàng nhập khẩu	50.576.711	395.034.370
Phải thu thuế TNCN bên ngoài	420.223.671	256.672.889
Phải thu khác	467.611.300	159.256.364
Cộng	996.078.349	3.555.940.844

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	110.687.167.183	139.464.378.224
Công cụ, dụng cụ	-	2.601.600
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.871.750.484	11.746.406.212
Thành phẩm	43.632.068.711	38.584.063.875
Hàng hóa	6.279.471.465	7.022.720.600
Hàng gửi bán	886.928.847	123.036.748
Cộng giá gốc hàng tồn kho	173.357.386.690	196.943.207.259
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(683.234.094)	(1.022.346.341)
Giá trị thuần có thể thực hiện	172.674.152.596	195.920.860.918

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các mặt hàng cận date, quá date và hàng chậm sản xuất.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiểu chờ xử lý	-	36.553.063
Tạm ứng	2.168.130.614	2.372.205.733
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.217.860.973	4.580.366.586
Tổng cộng	7.385.991.587	6.989.125.382

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: triệu đồng	
					TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	45.981	71.440	10.580	2.639	1.720	132.360
Mua trong năm	6.738	19.876	4.337	237	-	31.188
Đầu tư XDCB hoàn thành	33.870	38.283	16.415	-	-	88.568
Thanh lý, nhượng bán	(548)	(13.206)	(377)	-	(463)	(14.594)
Giảm khác	-	(510)	-	-	-	(510)
Số dư cuối năm	86.041	115.883	30.955	2.876	1.257	237.012
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	29.330	50.741	6.912	2.017	1.619	90.619
Khäu hao trong năm	3.837	9.932	1.666	485	58	15.978
Thanh lý, nhượng bán	(548)	(12.998)	(377)	-	(463)	(14.386)
Số dư cuối năm	32.619	47.675	8.201	2.502	1.214	92.211
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.651	20.699	3.668	622	101	41.741
Tại ngày cuối năm	53.422	68.208	22.754	374	43	144.801

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.246.912.642 đồng

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	785.713.823	55.659.199.920	56.444.913.743
Mua trong năm	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Số dư cuối năm	785.713.823	57.159.199.920	57.944.913.743
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	551.515.162	823.023.739	1.374.538.901
Khäu hao trong năm	220.531.669	548.682.492	769.214.161
Số dư cuối năm	772.046.831	1.371.706.231	2.143.753.062
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	234.198.661	54.836.176.181	55.070.374.842
Tại ngày cuối năm	13.666.992	55.787.493.689	55.801.160.681

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

ĐVT: nghìn đồng

Khoản mục	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
XDCB dở dang các công trình sau:					
- Công trình Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương	54.065.830	33.788.156	(84.921.622)	(30.364)	2.902.000
- Nhà tập thể tại Bình Dương	1.368.444	1.687.119	(3.055.563)	-	-
- Mua NPL thử máy dây chuyền thuốc tiêm	59.322	564	(59.886)	-	-
- Đường nội bộ, nhà bảo vệ, tường rào chi nhánh 2 Tp.HCM	-	531.891	(531.891)	-	-
- Xây dựng trụ sở chính văn phòng công ty	33.255	181.818	-	-	215.073
- Sửa chữa, cải tạo chi nhánh bán hàng tại Bình Dương	-	160.454	-	-	160.454
- Công trình chi nhánh Cửu Long 3	-	697.426	-	-	697.426
- Trung tâm phân phối DP khu vực TPHCM	-	37.512	-	-	37.512
- Chi nhánh Khánh Hòa	-	458.182	-	-	458.182
Tổng cộng	55.526.851	37.543.122	(88.568.962)	(30.364)	4.470.647

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	19.810.876.700	19.810.876.700
Đầu tư dài hạn khác	20.653.858.000	22.892.628.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	40.464.734.700	42.703.504.700
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6.655.000.000)	(5.055.011.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	33.809.734.700	37.648.493.700

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	-	182.000.000	-	182.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	561.000	14.288.996.700	561.000	14.288.996.700
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	253.740	5.339.880.000	253.740	5.339.880.000
Cộng	814.740	19.810.876.700	814.740	19.810.876.700

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	594.652	20.653.858.000	792.232	22.642.628.000
Đầu tư trái phiếu	-	-	-	250.000.000
Cộng	594.652	20.653.858.000	792.232	22.892.628.000

Lý do thay đổi với các khoản đầu tư vào cổ phiếu:

- Về số lượng: bán ra 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Truyền Thông S (O2 TV), mua vào 1.123 cổ phiếu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu 1.297 cổ phiếu của Ngân Hàng Phương Nam.
- Về giá trị : giảm 2.000.000.000 đồng do bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Truyền Thông S (O2 TV), tăng 11.230.000 đồng mua thêm cổ phiếu của Ngân Hàng Phương Nam.

Lý do thay đổi với các khoản đầu tư vào loại trái phiếu:

- Về giá trị : giảm 250.000.000 đồng do bán trái phiếu.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được chi tiết như sau:

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Hóa Dược Phẩm Mekophar	77.000	(6.325.000.000)	77.000	(4.785.011.000)
Công ty Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	300.000	(330.000.000)	300.000	(270.000.000)
Cộng	377.000	(6.655.000.000)	377.000	(5.055.011.000)

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

Là tiền thuê đất Khu công nghiệp Vĩnh Lộc và Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II.

	Cuối năm	Đầu năm
Số đầu năm	14.290.585.314	12.261.505.844
Tăng trong năm	377.225.000	2.191.893.916
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(237.882.403)	(162.814.446)
Tổng cộng	14.429.927.911	14.290.585.314

5.11. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	10.587.075.686	26.761.248.043
Vay đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	14.587.075.686	30.761.248.043

Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 10 tháng; lãi suất 0,85%/ tháng; không có tài sản đảm bảo.

Vay ngắn hạn ngân hàng để mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thuốc, mở L/C nhập khẩu nguyên liệu, bảo lãnh trong nước... và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 04 đường 30/04, phường 01, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, lãi suất vay 1,14%/tháng.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	74.783.665.627	56.364.422.820
Người mua trả tiền trước	21.746.555.009	46.624.828.362
Tổng cộng	96.530.220.636	102.989.251.182

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	904.623.077	1.735.082.465
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	50.576.711	395.034.370
Thuế xuất, nhập khẩu	-	100.817.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.982.541.199	17.025.678.108
Thuế thu nhập cá nhân	1.323.363.540	3.820.336.017
Tổng cộng	9.261.104.527	23.076.948.167

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Hoa hồng bán quyền	6.682.646.729	4.685.583.026
Chi phí khuyến mãi bằng tiền	-	279.037.352
Chi phí du lịch	5.500.000.000	-
Chi phí thưởng đạt doanh số	1.002.040.984	1.035.058.480
Chi phí nghiên cứu phát triển thị trường	-	1.635.818.187
Chi phí quảng bá, giới thiệu sản phẩm	200.000.000	531.380.311
Chi phí tổ chức giới thiệu sản phẩm mới	-	801.804.301
Chi phí bán hàng	8.800.000.000	-
Chi phí phải trả khác	350.000.000	270.934.133
Tổng cộng	22.534.687.713	9.239.615.790

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thửa chờ xử lý	12.325.421	12.325.421
Kinh phí công đoàn	691.237.157	605.767.641
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.501.166.611	4.047.301.267
Tổng cộng	8.204.729.189	4.665.394.329

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Cỗ tức phải trả	-	57.200.000
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	876.844.714	115.376.548
Thu trả trước tiền hàng Công ty Robinson	4.904.903.570	1.885.188.062
Phải trả khác	1.719.418.327	1.989.536.657
Tổng cộng	7.501.166.611	4.047.301.267

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.555.942.057	3.256.485.957
Trích lập trong năm	7.151.485.542	9.017.079.357
Tăng khác	271.628.000	-
Sử dụng trong năm	(12.602.070.127)	(6.717.623.257)
Số dư cuối năm	376.985.472	5.555.942.057

5.17. Phải trả dài hạn khác

Đây là các khoản nhận ký quỹ dài hạn của các nhà thuốc, đại lý.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116.598.200.000	278.107.871.250	2.420.789.142	(93.720.000)	-	71.434.145.480	44.105.834.856	512.573.120.728
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(3.193.340.000)	-	-	-	(3.193.340.000)
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	65.706.720.938	65.706.720.938	65.706.720.938
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(12.242.476.548)	(12.242.476.548)	(12.242.476.548)
Trích quỹ	-	-	-	-	30.846.278.950	(39.863.358.307)	(9.017.079.357)	(9.017.079.357)
Giảm khác	-	(10.745.161.641)	-	-	(129.199.249)	(5.222.668.950)	-	(16.097.029.840)
Số dư đầu năm nay	116.598.200.000	267.362.709.609	2.420.789.142	(3.287.060.000)	(129.199.249)	97.057.755.480	57.706.720.939	537.729.915.921
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	80.465.662.197	80.465.662.197
Trích quỹ	-	-	-	-	26.383.107.230	(33.534.592.772)	(7.151.485.542)	(7.151.485.542)
Tăng khác	-	-	-	-	789.145.772	171.600.000	57.200.000	1.017.945.772
Bán cổ phiếu quỹ	-	87.740.000	-	3.287.060.000	-	-	-	3.374.800.000
Giảm khác	-	-	-	-	(1.947.828.282)	-	(909.688.167)	(2.857.516.449)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(23.319.640.000)	(23.319.640.000)
Số dư cuối kỳ	116.598.200.000	267.450.449.609	2.420.789.142	-	(1.287.881.759)	123.612.462.710	80.465.662.197	589.259.681.896

5.18.2 Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	11.659.820	11.659.820
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	11.659.820	11.659.820
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	(57.200)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	11.659.820	11.602.620
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.18.3 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	80.465.662.197	65.706.720.938
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	11.604.349	11.610.665
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	6.934	5.659

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	8.945.013.808	5.587.230.275
Doanh thu hàng sản xuất	568.437.799.031	453.899.748.248
Doanh thu hàng nhượng quyền	137.277.161.484	169.237.641.381
Doanh thu hàng ngoại nhập	31.256.303.094	26.473.799.936
Doanh thu hàng mua bán khác	20.588.908.033	8.317.114.080
Giảm giá hàng bán	-	(395.283.530)
Hàng bán bị trả lại	(2.510.663.923)	(3.044.120.609)
Doanh thu thuần	763.994.521.527	660.076.129.781

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng xuất khẩu	4.245.051.770	2.609.174.202
Giá vốn hàng sản xuất	256.469.308.544	207.046.204.423
Giá vốn hàng nhượng quyền	100.578.663.522	124.628.945.294
Giá vốn hàng ngoại nhập	30.033.913.306	24.532.375.223
Giá vốn hàng mua bán khác	19.771.387.063	7.826.691.813
Tổng cộng	411.098.324.205	366.643.390.955

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.360.156.276	6.329.206.064
Lãi đầu tư trái phiếu	38.700.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.675.974.300	1.066.267.615
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.065.646.825	880.152.898
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	1.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.969.991.438
Tổng cộng	10.140.477.401	11.245.618.015

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.443.259.953	1.796.689.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.870.511.043	6.752.725.622
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn/dài hạn	2.357.489.079	660.049.191
Chi phí hoạt động tài chính khác	357.622.437	475.473.333
Tổng cộng	8.028.882.512	9.684.938.019

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.349.192.274	1.446.873.614
Chi phí nhân công	45.981.397.345	24.896.260.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.4484.340	3.297.973.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.980.305.918	89.846.722.715
Chi phí khác	149.664.356.942	62.388.849.192
Tổng cộng	220.269.736.819	181.876.679.376

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	699.046.584	147.744.241
Chi phí nhân công	16.616.717.744	11.585.431.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.043.809.509	1.182.556.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.757.459.512	2.845.534.229
Chi phí khác	12.323.681.839	14.203.738.528
Tổng cộng	35.440.715.188	29.965.004.278

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán phế liệu, công cụ	126.679.816	182.612.241
Thu nhập do giảm giá hàng mua	2.039.685.379	800.350.000
Xử lý hàng thừa khi kiểm kê	459.788.091	568.946.536
Thanh lý nhượng bán tài sản	185.730.476	33.400.000.000
Thu nhập khác	616.303.468	2.187.346.763
Tổng cộng	3.428.187.230	37.139.255.540

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xuất hàng thanh lý	1.618.957.250	1.348.185.750
Thanh lý nhượng bán tài sản	208.865.271	35.004.000.000
Xử lý hàng thiểu khi kiểm kê	103.414.401	122.970.483
Chi phí khác	2.673.462.796	3.287.481.438
Tổng cộng	4.604.699.718	39.762.637.671

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được dự phòng như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Chuyển nhượng vốn	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	95.760.468.648	1.522.619.068	837.740.000	98.120.827.716
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm:				
+ Doanh thu cổ tức	(1.675.974.300)	-	-	(1.675.974.300)
+ Chi phí không hợp lệ	2.108.391.861	-	-	2.108.391.861
+ Chi phí vượt mức khống chế	32.513.380.235	-	-	32.513.380.235
Lợi nhuận tính thuế	128.706.266.444	1.522.619.068	837.740.000	131.066.625.512
Thuế suất thuế TNDN phải nộp	20%	25%	25%	-
Thuế TNDN phải nộp	25.741.253.289	380.654.767	209.435.000	26.331.343.056
Thuế TNDN được miễn giảm do đầu tư mở rộng Nhà máy Cephalosporin tại Bình Dương			(8.676.177.537)	
Thuế TNDN phải nộp năm 2010			17.655.165.519	

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần dược phẩm An Giang	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	12.197.728.675	18.536.502.636

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán sản phẩm	82.312.633.337	63.455.393.401
Thu tiền hàng	65.765.039.614	48.495.943.300
Bù trừ công nợ phải thu	17.847.809.001	7.737.945.438
Bù trừ công nợ phải trả	389.230.418	-
Nhận hàng trả lại	1.122.322.045	113.130.685
Mua hàng	233.750.706	641.357.679

▪ Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	2.354.994.431	1.664.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	6.250.566.731	4.386.021.811
Tổng cộng	8.605.561.162	6.050.021.811

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 17 tháng 01 năm 2011.

TP.Cao Lãnh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HOÀNG MINH TRÍ

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất vào ngày 06 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại số 4, đường 30/04, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 116.598.200.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2010 gồm:

- Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: số 63B – 65B, đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh số 2-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: lô B15/1-B16/l, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm: số 11/3, Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 4: số 3-4, Block C4, khu dân cư 11D, phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: số 26N, 7A Khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh 3-Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương: số 22, đường số 2, KCN Việt Nam – Singapore II, phường Hoà Phú, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Cửu Long 2 số 66 A, Nguyễn Tất Thành, khóm 3, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cửu Long 5-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm: số 135, Nguyễn Trãi, phường 9, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm - Tây Ninh số 59B, Nguyễn Thái Học, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Cửu Long 1: đường Nguyễn Văn Voi, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Kiên Giang số 378, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Đà Nẵng, số 423 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gaz, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Mua bán dược liệu
- Đầu tư tài chính

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Trần Thị Đào	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Thái Hoàng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT
Ông Phan Hoàng Minh Tri	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Kiêm Phương	Thành viên HĐQT
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Minh Tuấn	Thư ký HĐQT

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Trần Thị Đào	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thái Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Định	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bắt nguồn nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Cao Lãnh, ngày 20 tháng 02 năm 2011.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán DTL
- Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
- Năm tài chính 2010 là năm thứ 2 DTL thực hiện kiểm toán cho Imexpharm
- Kiểm toán viên chính: Lộ Nguyễn Thúy Phượng, Chứng chỉ KTV số 1191/KTV.
- Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập

Crowe Horwath

Công ty Kiểm toán DTL
Horwath HTL - Crowe Horwath International

Địa chỉ: Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (843) 3827 5961
Fax: (848) 3827 5077
www.horwathhtl.com
www.crowehorwath.com.vn

Số: 11.16/ECKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Ông/Đảng
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cách đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 28 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để cung cấp kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trong yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khuôn ước lình kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính định kỳ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trong yếu tố hình ảnh tài chính của Cổ phần Dược phẩm Imexpharm vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TẠNG QUỐC THÁNG
Chứng chỉ KTV số Đ 0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

BAN KIỂM SOÁT**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2010****BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM****BÁO CÁO CHO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Kỳ báo cáo: năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Ngày 25/3/2011

Căn cứ vào

- Các điều khoản về quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Các điều khoản về quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều Lệ hoạt động của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Imexpharm ("Công Ty") ngày 05/04/2008; và
- Quy Chế Tổ Chức và Hoạt Động của Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Imexpharm;

Chúng tôi, Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Imexpharm, đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công Ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Nội dung cụ thể như sau:

Qua các hoạt động kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động, và kiểm soát báo cáo tài chính, Ban Kiểm Soát trình báo cáo kiểm soát cho Đại Hội Đồng Cổ Đông với nội dung chi tiết như sau.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2009

Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc Công Ty đã thực hiện đầy đủ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2009. Theo đó, nghị quyết liên quan đến phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2009 đã được thực hiện với việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20%/mệnh giá cổ phần (ngày chốt quyền 14/04/2010 và ngày thanh toán 19/05/2010), trích lập đầy đủ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, và quỹ khen thưởng phúc lợi.

Về kế hoạch kinh doanh cho năm 2010, công ty đạt 100,5% chỉ tiêu doanh thu thuần và đạt 109,0% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành
Doanh thu thuần (nghìn đồng)	760.000.000	763.994.522	100,5%
Lợi nhuận trước thuế (nghìn đồng)	90.000.000	98.120.827	109,0%

Về kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 116.598.200.000 đồng lên 160.000.000.000 đồng, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 744/UBCK-GCN cho Công ty CP Dược phẩm Imexpharm.

Theo đó, giai đoạn 1 công ty đã tiến hành chốt danh sách cổ đông hiện hữu vào ngày giao dịch không hưởng quyền 29/11/2010 để phát hành quyền mua cổ phiếu ưu đãi với tỷ lệ 10:2, và giá phát hành là 20,000 đồng/cổ phiếu. Giai đoạn 2, công ty thành lập Ban ESOP để xét duyệt danh sách cán bộ - công nhân viên được phân phối cổ phiếu ESOP, bao gồm 200,000 cổ phiếu ưu đãi với giá phát hành là 20,000 đồng/cổ phiếu với thời gian cam kết nắm giữ là 3 năm kể từ ngày sở hữu cổ phần. Thời gian thực hiện đóng tiền mua cổ phiếu cho giai đoạn 1 và 2 đã kết thúc vào ngày 24/2/2011. Dự kiến cuối quý 1/2011, công ty sẽ tiến hành giai đoạn 3 phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến

lực với mức giá tối thiểu là 46.400 đồng/cổ phiếu, là giá trị sổ sách của công ty vào ngày 31/12/2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009, và thời gian cam kết nắm giữ là 1 năm kể từ ngày sở hữu cổ phần.

BÀNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm soát tình hình tài chính của Công Ty và xem xét báo cáo kiểm toán. Chúng tôi đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập về các số liệu tài sản ngày 31/12/2010. Chúng tôi đã xem xét các biến động về tài sản, nợ, và nguồn vốn trong kỳ với một số điểm lưu ý sau:

Đơn vị: nghìn đồng	Số kiểm toán	Tỷ trọng %	Số kiểm toán	Tỷ trọng %	Thay đổi %
	31/12/2010		31/12/2009		
TÀI SẢN NGẮN HẠN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	497.687.799	66,3%	527.191.363	72,0%	-5,5%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	111.006.558	14,8%	135.040.362	18,5%	-17,8%
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.601.370	0,5%	12.808.230	1,8%	-71,9%
Hàng tồn kho	199.980.951	26,6%	175.894.947	24,0%	13,7%
Tài sản ngắn hạn khác	172.674.153	23,0%	195.920.861	26,8%	-11,9%
TÀI SẢN DÀI HẠN	253.312.521	33,7%	204.277.561	28,0%	24,0%
Tài sản cố định	205.072.858	27,3%	152.338.482	20,8%	34,6%
Tài sản cố định hữu hình	144.801.049	19,3%	41.741.256	5,7%	246,9%
Tài sản cố định vô hình	55.801.161	7,4%	55.070.375	7,5%	1,3%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.470.648	0,6%	55.526.851	7,6%	-91,9%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	33.809.735	4,5%	37.648.494	5,1%	-10,2%
Tài sản dài hạn khác	14.429.928	1,9%	14.290.585	2,0%	1,0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	751.000.321	100,0%	731.468.924	100,0%	2,7%
 NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ ngắn hạn	161.740.639	21,5%	193.739.007	26,5%	-16,5%
Vay và nợ ngắn hạn	160.034.916	21,3%	182.931.109	25,0%	-12,5%
Phải trả người bán	14.587.076	1,9%	30.761.248	4,2%	-52,6%
Nợ dài hạn	74.783.666	10,0%	56.364.423	7,7%	32,7%
Vay và nợ dài hạn	1.705.722	0,2%	10.807.898	1,5%	-84,2%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	589.259.682	78,5%	537.729.916	73,5%	9,5%
Vốn chủ sở hữu	589.259.682	78,5%	537.729.916	73,5%	9,6%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	116.598.200	15,5%	116.598.200	15,9%	0,0%
Thặng dư vốn cổ phần	267.450.450	35,6%	267.362.710	36,6%	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	111.952.643	14,9%	85.397.936	11,7%	31,1%
Quỹ dự phòng tài chính	11.659.820	1,6%	11.659.820	1,6%	0,0%

Lợi nhuận chưa phân phối	80.465.662	10,7%	57.706.721	7,9%	39,4%
Nguồn kinh phí và quỹ khác					
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	751.000.321	100,0%	731.468.924	100,0%	2,7%

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

Khả năng thanh toán nhanh	2,0	1,9
Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,1	3,0
Số ngày phải thu	83	77
Số ngày tồn kho	163	169

Một số lưu ý

- Tổng tài sản vào ngày 31/12/2010 tăng nhẹ so với tổng tài sản ngày 31/12/2009 chủ yếu do tài sản dài hạn tăng mạnh 24%, trong khi tài sản ngắn hạn giảm 5,5%. Do vậy, cơ cấu tài sản có sự thay đổi, theo đó, tài sản ngắn hạn cuối năm 2010 giảm còn 66,3% so với 72,0% cuối năm 2009 và tài sản dài hạn tăng lên 33,7% so với mức 28,0% năm trước đó.
- Các khoản mục biến động mạnh trong tài sản ngắn hạn là (1) tiền mặt, (2) phải thu và (3) hàng tồn kho.
- Tiền mặt giảm do công ty giải ngân khoản đầu tư cho nhà máy Cephalosporin cũng như đầu tư các công trình cho hệ thống phân phối và hoàn trả các khoản vay đến hạn. Tuy nhiên, việc nhận các khoản ứng trước của khách hàng góp phần đảm bảo lượng tiền mặt an toàn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh. Hàng tồn kho cũng giảm so với cùng kỳ, do đẩy mạnh bán hàng thương hiệu Imexpharm và hàng nhượng quyền, ngược lại công ty đã tăng dự trữ nguyên liệu chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất năm 2011. Rủi ro về hàng chậm luân chuyển và nguyên liệu quá hạn được kiểm soát chặt chẽ.
- Các khoản phải thu khách hàng tăng lên do công ty tăng bán hàng vào cả hệ điều trị và hệ thị trường nhưng chưa thu nợ kịp vào cuối năm. Tỷ trọng phải thu quá hạn chiếm 9,3% tổng khoản phải thu, so với mức 5,3% so với năm 2009, và công ty đã tiến hành trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 cho các khoản phải thu này là 8,9 tỷ đồng. Các khoản nợ không đòi được công ty đã xử lý trong năm bằng nguồn dự phòng và qui trách nhiệm đối với bộ phận để xảy ra khoản nợ không đòi được.
- Tài sản cố định tăng 24,0% so với năm 2009 chủ yếu do khoản tăng từ quyết toán chi phí đầu tư xây dựng nhà máy Cephalosporin và công trình nhà tập thể ở Bình Dương, và chi phí đầu tư máy móc thiết bị sản xuất.
- Về tài sản vô hình, trong năm công ty đã thực hiện giao dịch sau:

Vị trí khu đất mua vào	Giá trị (nghìn đồng)
Tại Thủ Dầu Một, Bình Dương	1.500.000

- Chúng tôi đã xem xét hồ sơ pháp lý của các mảnh đất này và cho rằng các tài sản này được mua một cách hợp lý và hợp pháp.
- Cơ cấu nguồn vốn biến động theo hướng giảm các khoản nợ phải trả và tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả giảm 16,5% và chiếm còn 21,5% tổng nguồn vốn so với mức 26,5% cuối năm 2009 do công ty hoàn trả các khoản vay đến hạn. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 9,5% và

chiếm 78,5% tổng nguồn vốn do Quỹ đầu tư phát triển tăng từ nguồn lợi nhuận năm 2009 và lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong năm 2010.

- Các chỉ số về khả năng thanh toán và khả năng thanh toán nhanh đều cải thiện so với cùng kỳ năm 2009.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2010, Công Ty có các khoản đầu tư tài chính như sau.

Khoản mục đầu tư	Giá trị (nghìn đồng)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5.929.361
Đầu tư chứng khoán dài hạn	20.653.858
Tổng giá trị đầu tư tài chính	26.583.220
Dự phòng giảm giá đầu tư	(9.882.992)
Đầu tư tài chính/Tổng tài sản (%)	3,5%
Đầu tư tài chính/Tổng vốn chủ sở hữu (%)	4,5%
Đầu tư tài chính/Tổng vốn điều lệ (%)	22,8%
Dự phòng giảm giá/Tổng giá trị đầu tư	-37,2%

Một số lưu ý

- Trong tổng giá trị đầu tư, tỷ trọng đầu tư ngắn hạn và dài hạn lần lượt là 22,3% và 77,7%.
- Trong năm, công ty đã tiến hành thoái vốn khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty CP Truyền thông S (O2 TV), thực hiện quyền mua cổ phiếu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu của khoản đầu tư Ngân hàng Phương Nam.
- Đầu tư tài chính hiện vẫn chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng vốn điều lệ như chi tiết ở bảng trên. 80% các khoản đầu tư tài chính được phân bổ vào các công ty trong cùng ngành sản xuất dược phẩm. Theo trao đổi của chúng tôi với Ban Tổng Giám Đốc, các khoản đầu tư này nhằm tận dụng các cơ hội liên doanh liên kết sản xuất và phân phối sản phẩm.
- Công ty đã trích lập 9,9 tỷ đồng dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính nêu trên. Theo chúng tôi, việc trích lập dự phòng giảm giá này là đầy đủ và phù hợp với các quy định hiện hành.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chúng tôi đồng ý với các số liệu kiểm toán về kết quả kinh doanh trong năm 2010 với một số điểm lưu ý như sau:

	Số kiểm toán 2010	Số kiểm toán 2009	Thay đổi %	Kế hoạch 2010	Hoàn thành %
Nghìn đồng					
Doanh thu thuần	763.994.522	660.076.130	15,7%	760.000.000	100,5% 0
Giá vốn hàng bán	411.098.324	366.643.391	12,1%		
Lợi nhuận gộp	352.896.197	293.432.739	20,3%		
Doanh thu tài chính	10.140.477	11.245.618	-9,8%		
Chi phí tài chính	8.028.883	9.684.938	-17,1%		
<i>Lãi vay</i>	<i>2.443.260</i>	<i>1.796.690</i>	<i>36,0%</i>		

Chi phí bán hàng	220.269.737	181.876.679	21,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.440.715	29.965.004	18,3%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	99.297.340	83.151.735	19,4%
Thu nhập khác	3.428.187	37.139.256	-90,8%
Chi phí khác	4.604.700	39.762.638	-88,4%
Thu nhập/(chi phí) khác	(1.176.513)	(2.623.382)	-55,2%
Lợi nhuận trước thuế	98.120.828	80.528.353	21,9%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.655.166	14.336.242	23,2%
Lợi nhuận sau thuế	80.465.662	65.706.721	22,5%

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

Lợi nhuận gộp/Doanh thu	46,2%	44,5%
Lợi nhuận hoạt động/Doanh thu	13,0%	12,6%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	12,8%	12,2%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	10,5%	10,0%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	10,7%	9,0%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng nguồn vốn (ROE)	13,7%	12,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu	28,8%	27,6%
Chi phí quản lý/Doanh thu	4,6%	4,5%
Tỷ lệ chi phí vượt mức không chê	5,7%	11,7%

- Doanh thu thuần 2010 tăng mạnh 15,7% so với năm 2009, chủ yếu do các nỗ lực tăng mạnh sản xuất và bán các sản phẩm thương hiệu Imexpharm và sản phẩm thương hiệu liên doanh với Pharma Science (Canada).
- Tỷ suất lợi nhuận gộp của năm 2010 tăng lên 46,2% so với 44,5% chủ yếu do thay đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm thương hiệu Imexpharm. Bên cạnh đó, việc dự báo xu hướng tăng giá nguyên vật liệu đầu vào và quyết định tăng dự trữ nguyên liệu từ cuối năm 2009 đã góp phần cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh nhưng hoạt động tài chính mang lại một khoản lợi nhuận lớn hơn năm 2009 đã bù đắp một phần và góp phần làm cho tỷ suất lợi nhuận hoạt động tăng so với năm 2009. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cải thiện tốt hơn cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế là 18,0%, thấp hơn so với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 20%, nguyên nhân do công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí, hạn chế các chi phí vượt mức không chê 10% trên chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, mức vượt năm 2010 là 5,7% so với 11,7% của năm trước. Đồng thời do ưu đãi

thuế từ dự án đầu tư nhà máy Cephalosporin mang lại cũng có tác dụng tích cực lên tỷ suất lợi nhuận sau thuế.

- Tương tự, với việc nhà máy Cephalosporin đi vào hoạt động, tỷ trọng tài sản cố định đóng góp cho hoạt động kinh doanh tăng lên đã góp phần làm tăng các chỉ số ROA và ROE.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chúng tôi đồng ý với các số liệu kiểm toán về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm 2010 với một số điểm lưu ý như sau:

	Số kiểm toán 2010	Số kiểm toán 2009
Nghìn đồng		
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	(10.132.870)	(50.666.801)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	23.585.821	(49.803.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	50.763.873	(14.868.360)
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(38.349.308)	(41.370.915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(26.039.317)	12.990.654
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	26.910.056	76.903.865
Tiền chi trả nợ gốc vay	(52.224.559)	(42.036.066)
Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(23.205.240)	(14.428.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(48.519.743)	25.366.120
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(23.822.188)	23.488.413
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	135.040.362	110.880.677
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	111.006.558	135.040.362

- Công ty đã tạo ra dòng tiền dương từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc quản lý luân chuyển hàng tồn kho tốt hơn năm trước. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ giảm 24 tỷ do lưu chuyển tiền tệ thuần trong năm 2010 âm 24 tỷ đồng, kết quả của dòng tiền âm từ hoạt động đầu tư (giải ngân cho nhà máy Cephalosporin và tài sản cố định khác), hoạt động tài chính (thanh toán các khoản vay đến hạn và trả cỗ tức năm 2009) và ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ.

NHÀ MÁY CEPHALOSPORIN Ở BÌNH DƯƠNG

- Nhà máy Cephalosporin ở Bình Dương đã hoàn tất giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị, và giai đoạn chạy thử trong quý 3 năm 2010. Vào ngày 27/8/2010, nhà máy Cephalosporin đã được Cục Quản lý Dược (Bộ Y Tế) cấp giấy chứng nhận Thực hành tốt sản xuất GMP-WHO với các dây chuyền sản xuất thuốc viên, thuốc cốt và thuốc bột. Tiếp đó, vào ngày 6/10/2010, dây chuyền thuốc tiêm của nhà máy được cấp giấy chứng nhận Thực hành tốt sản xuất GMP-WHO. Như vậy, giai đoạn xây dựng và hoàn thiện nhà máy đưa vào hoạt động đã trễ hơn 1 năm rưỡi so với kế hoạch ban đầu. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí xây dựng tăng

cao vào khoảng trong năm 2008, việc nhà thầu không thực hiện đúng cam kết, và dự án được thay đổi thiết kế để phục vụ việc đầu tư mở rộng trong tương lai.

- Tổng chi phí xây dựng nhà máy Cephalosporin theo thực tế đầu tư là 113,4 tỷ đồng so với tổng dự toán ban đầu là 106,2 tỷ đồng. Trong đó, công ty đã thanh toán số tiền là 100,1 tỷ đồng.

Quyết toán Công trình Nhà máy Cephalosporin	Giá trị (nghìn đồng)
Giá trị xây lắp, giám sát	40.019
Thiết bị phụ trợ	45.358
Thiết bị sản xuất	28.047
Tổng chi phí đầu tư	113.424

- Trong báo cáo tài chính cuối năm 2010 đã kết chuyển 84,9 tỷ đồng chi phí xây dựng nhà máy Cephalosporin vào tài sản cố định, một khoản là 2,9 tỷ đồng được ghi trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang và phần còn lại được treo vào khoản trả trước cho người bán sẽ được kết chuyển sang tài sản cố định khi có đầy đủ chứng từ.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2011

- Trong năm 2011, công ty sẽ tiến hành đầu tư mới Văn phòng công ty tại Đồng Tháp, dự án đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất nhóm beta-lactam tại Bình Dương và hệ thống phân phối.
- Dự án xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty thay cho văn phòng hiện tại đã xuống cấp với quy mô công trình cao 5 tầng và 1 tầng hầm, thời gian thực hiện trong vòng 18 tháng dự kiến kể từ đầu quý 2/2011, và tổng vốn đầu tư dự kiến là 28 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất nhóm beta-lactam tại Bình Dương được xây dựng theo tiêu chuẩn GMP-EU, với tổng vốn đầu tư dự kiến là 50 tỷ đồng và hoàn thành trong năm 2011, nhằm phát huy ưu thế của công ty và mở ra khả năng liên doanh với các công ty dược nước ngoài.
- Hệ thống phân phối 70 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư dự kiến tài trợ chủ yếu từ nguồn phát hành cổ phiếu mới, lợi nhuận để lại và vốn vay.

CÁC KIẾN NGHỊ

- Đưa nhà máy Cephalosporin đi vào hoạt động và khai thác có hiệu quả. Chúng tôi đề nghị Ban Tổng Giám đốc tập trung phương án sản phẩm hiệu quả cho nhà máy Cephalosporin, đặc biệt là phương án sản xuất liên doanh, liên kết với các công ty dược nước ngoài trong giai đoạn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Từ việc quản lý đầu tư, xây dựng cho dự án nhà máy Cephalosporin, Ban Tổng Giám đốc ghi nhận những kinh nghiệm có được để việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản về sau đạt hiệu quả hơn, đặc biệt là dự án đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất nhóm beta-lactam tại Bình Dương.

- Tuân thủ theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Chúng tôi đề nghị Ban Tổng Giám Đốc theo dõi các khoản mục chi phí khuyến mãi, quảng cáo, hội nghị tiếp khách, v.v. không vượt quá 10% tổng các khoản chi phí được trừ vào chi phí để đảm bảo đạt được mục tiêu lợi nhuận đề ra.
- Ban Tổng Giám Đốc cần kiểm soát và đẩy nhanh việc thu hồi công nợ, xây dựng quy trình đánh giá định mức tin nhiệm của các nhà phân phối và thực hiện đánh giá định kỳ.
- Ban Tổng Giám Đốc theo dõi chặt chẽ và có chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm toán nội bộ.
- Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc cần có đánh giá kết quả đầu tư vào các cổ phiếu được phẩm và những ngành khác trong thời gian qua để tiến hành tái cấu trúc danh mục đầu tư vào thời điểm thích hợp, nhằm không bị chiếm dụng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nguyễn Đức Tuấn

Lê Thị Kim Chung

Đỗ Thị Thanh Thuý

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN

Công ty con: không có

Các công ty liên quan

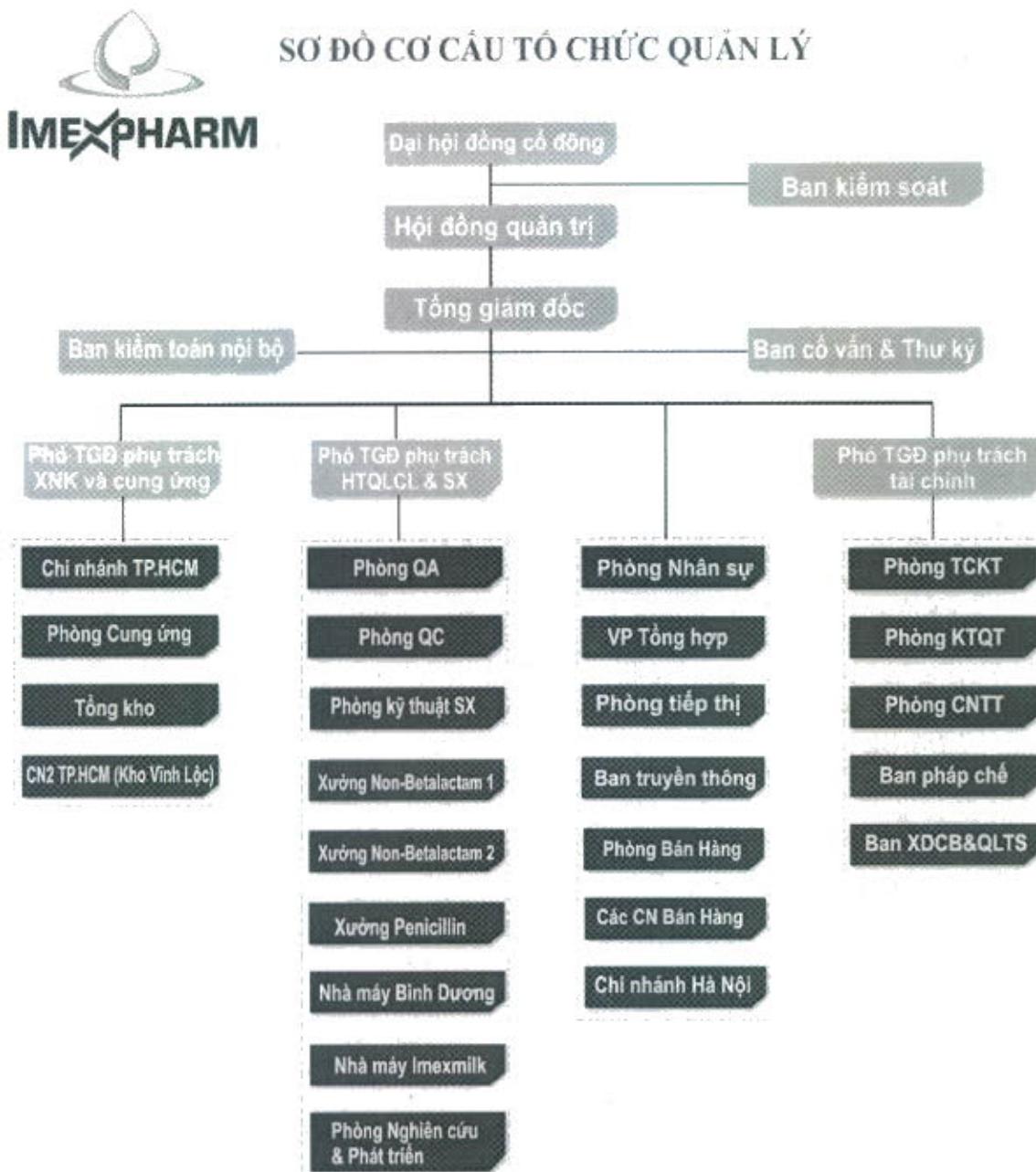
<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH dược phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần dược phẩm An Giang	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	Công ty liên kết

Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	12.101.177.667	18.156.079.726
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Giang	-	7.022.254
Công ty Cổ phần Liên doanh Sotraphar	96.551.008	373.400.656
Tổng cộng	12.197.728.675	18.536.502.636

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức

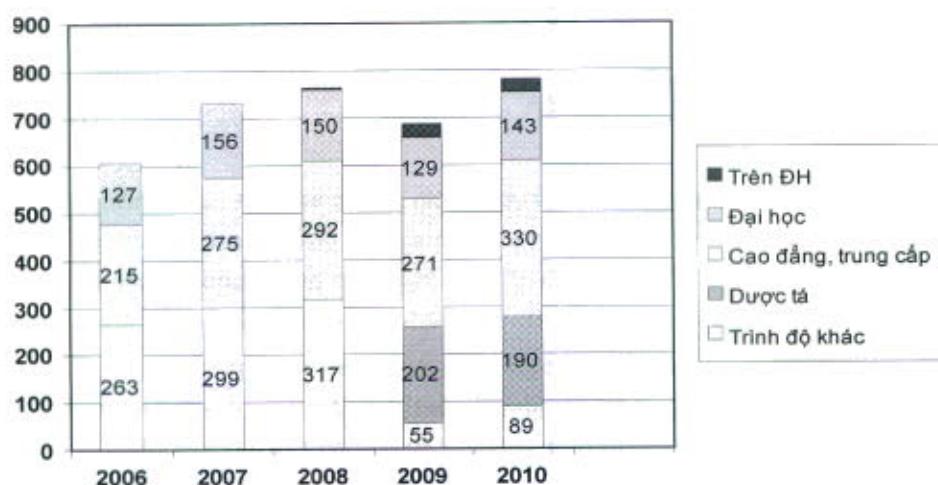


2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

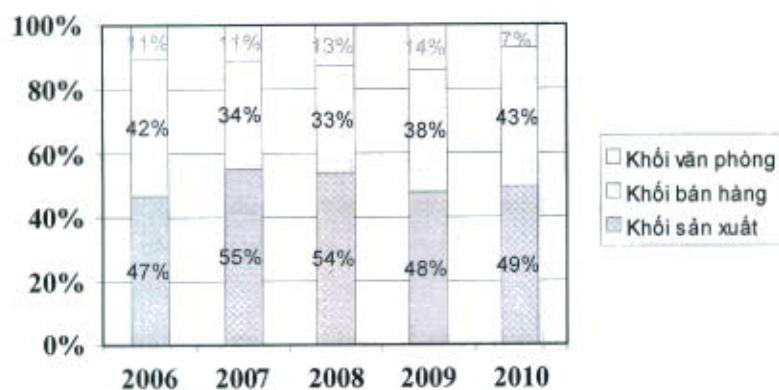
Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến 31/12/2010, tổng số cán bộ nhân viên của Imexpharm là 782 người, tăng 14% so với năm 2009, với cơ cấu như sau:

Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo chức năng



khi đại diện Imexpharm để thương lượng sản xuất nhượng quyền, liên doanh với các công ty dược đa quốc gia. Bà là nhà lãnh đạo có năng lực, uy tín lớn, chăm lo đời sống cho người lao động về vật chất lẫn tinh thần. Với xã hội Bà là người nhiệt tâm đóng góp cho các công tác xã hội từ thiện, ưu tiên nhất là cho sự nghiệp giáo dục. Bà đã được Chủ tịch nước và các tổ chức khác vinh danh và trao nhiều giải thưởng cao quý từ năm 1996 đến nay. Năm 2010 Bà được trao các giải thưởng sau:

STT	Năm	Giải thưởng	Cơ quan trao tặng
1	2010	Bằng khen Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Dân vận khoẻ" và "Năm Dân vận chính quyền" năm 2010	Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp
2	2010	Kỷ niệm chương Vì sự phát triển của Phụ nữ Việt Nam	Ban chấp hành TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Bà Đào còn tích cực tham gia nhiều lớp học trung, ngắn hạn quan trọng trong và ngoài nước để nắm bắt xu hướng phát triển của ngành Dược cũng như bổ sung kiến thức về quản lý kinh doanh hiện đại, tài chính doanh nghiệp, kinh nghiệm đi qua khủng hoảng kinh tế.

Cử nhân Nguyễn Quốc Định

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng Giám đốc

Hơn 10 năm gắn bó với Imexpharm, giữ vai trò vô cùng quan trọng là quản lý tài chính của công ty. Ông tập trung cho hệ thống kiểm soát nhằm quản lý chi phí, công nợ, hàng tồn kho, hoạch định dòng tiền... đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty và sử dụng vốn có hiệu quả.

Để cập nhật thêm kiến thức mới về lĩnh vực tài chính đáp ứng nhiệm vụ của mình Ông thường xuyên tham gia các khóa học trong và ngoài nước về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, kinh nghiệm đi qua khủng hoảng kinh tế, quản lý hiện đại.

Dược sĩ Trần Thái Hoàng

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng Giám đốc

Với cương vị trên Ông phụ trách hệ thống quản lý chất lượng và sản xuất, có điều kiện làm việc với các chuyên gia nước ngoài nên có nhiều kinh nghiệm trong quản lý quy trình sản xuất hiện đại, quản lý chất lượng. Không ngừng đưa Imexpharm đạt được nhiều chứng nhận về hệ thống quản lý chất lượng như: ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM, GDP, GPP, ... nhờ vậy Imexpharm được đối tác là các Tập đoàn dược đa quốc gia tin tưởng cao trong việc liên doanh liên kết.

Ông thường xuyên tham gia nhiều lớp đào tạo trong và ngoài nước để cập nhật thêm kiến thức chuyên môn và đã hoàn thành chương trình MBA của AIT Thái Lan.

Dược sĩ Nguyễn Thị Thu Hồng*Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng Giám đốc*

Là Phó Tổng Giám đốc phụ trách xuất nhập khẩu và cung ứng Bà Hồng thường xuyên gặp gỡ các đối tác nước ngoài tìm nguồn nguyên liệu với chất lượng và giá cả hợp lý để đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Ngoài ra Bà cũng rất quan tâm đến việc tìm thêm thị trường xuất khẩu sản phẩm của Imexpharm.

Dù bận rát nhiều công việc nhưng Bà vẫn dành thời gian tham dự nhiều hội thảo cũng như các khoá đào tạo trong và ngoài nước để đáp ứng cho yêu cầu công việc. Bà đã hoàn tất chương trình MBA của AIT Thái Lan vào năm 2009.

Cử nhân Phan Hoàng Minh Trí*Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng*

Giữ vai trò Kế toán trưởng Imexpharm từ năm 2008 Ông luôn quan tâm đến việc kiểm soát thủ tục thanh toán chi phí, tình hình biến động tỷ giá đồng ngoại tệ, phân tích dự báo xu hướng tỷ giá, nhu cầu sử dụng ngoại tệ của công ty nên phần nào giảm bớt thiệt hại của chênh lệch tỷ giá thực hiện.

Tình hình biến động nhân sự trong Ban TGĐ, Kế toán trưởng

Thành phần Ban TGĐ, Kế toán trưởng trong năm 2010 không có sự thay đổi.

viên Hội đồng quản trị tại các công ty: Tập Đoàn Hoa Sen, Công Ty CP Lâm Thủy Sản Bến Tre, Công Ty CP Thương Mại SMC.

Ông Tuấn được bầu vào HĐQT Công Ty CP Dược Phẩm Imexpharm tại Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2008 vào ngày 10-04-2009. Là thành viên độc lập Ông có nhiều ý kiến đóng góp cho hoạt động của công ty trong lĩnh vực đầu tư tài chính, tái cấu trúc khôi tài chính, phát hành thêm cổ phiếu, công bố thông tin.

Thạc sĩ Trần Anh Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Tuấn tốt nghiệp Đại học Ngân hàng , Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Từ năm 1996-1999 chuyên viên cao cấp Ngân hàng First Vina Bank, 1999-2001 chuyên viên cao cấp Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi, 2001-2003 Trưởng phòng tư vấn đầu tư Visions & Associates, năm 2003 đến nay Giám đốc Nghiên cứu Công ty Cổ phần đầu tư Việt Nam..

Ông Tuấn được bầu vào HĐQT Công Ty CP Dược Phẩm Imexpharm tại Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2008 vào ngày 10-04-2009. Là thành viên độc lập Ông có nhiều ý kiến đóng góp cho hoạt động của công ty trong lĩnh vực vi mô, vĩ mô của nền kinh tế, cung cấp kịp thời những thông tin của ngành phục vụ công tác quản trị công ty.

Cử nhân Nguyễn Kiêm Phương

Thành viên Hội đồng quản trị, Chánh Văn phòng tổng hợp

Với cương vị Chánh văn phòng tổng hợp, gắn bó với Imexpharm nhiều năm nên Bà có nhiều kinh nghiệm và rất thành công trong công tác tổ chức các cuộc họp quan trọng, Hội nghị khách hàng... của công ty. Ngoài ra Bà còn giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn nên rất tích cực trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công nhân viên công ty.

Cử nhân Nguyễn Đức Tuấn

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Tuấn tốt nghiệp Đại học Văn Lang chuyên ngành Thương Mại. Trong hai năm 2004-2005, ông Tuấn là nhân viên kiểm toán nội bộ cho Dutch Lady VietNam và sau đó là nhân viên kiểm toán độc lập cho PricewaterhouseCoopers. Gia nhập Quỹ đầu tư Dragon Capital từ cuối năm 2005 đến nay, ông Tuấn hiện là Giám đốc Nghiệp vụ phụ trách việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Ông Tuấn đang theo học chương trình Kiểm toán viên công chứng của Anh (ACCA) và chương trình Chuyên viên phân tích tài chính công chứng của Mỹ (CFA).

Ông Tuấn được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát của Imexpharm trong kỳ Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2008 ngày 10-4-2009. Là thành viên độc lập, ông Tuấn đã có nhiều đóng góp tích cực cho hoạt động của Ban kiểm soát, cũng như hệ thống tài chính kế toán của Imexpharm.

Cử Nhân Lê Thị Kim Chung

Thành viên Ban Kiểm soát

Với cương vị hiện tại của mình và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật, Bà Chung góp phần rất lớn bảo vệ quyền lợi của Imexpharm nhiều vấn đề liên quan đến pháp lý trong thương

thảo hợp đồng kinh tế, liên doanh liên kết trong và ngoài nước, các thủ tục khi thực hiện những vấn đề liên quan đến Điều lệ hoạt động của công ty.

Cử Nhân Đỗ Thị Thanh Thuý

Thành viên Ban Kiểm soát

Là Trưởng phòng Kế toán quản trị kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Bà rất quan tâm đến việc quản trị giá thành, phân tích tình hình tài chính công ty, kiểm tra tình hình chấp hành các qui định về phân cấp quản lý tài chính, kế toán; quy chế quản lý quỹ tiền mặt đối với các đơn vị trực thuộc, góp phần đảm bảo cho hệ thống tài chính kế toán hoạt động đúng qui định và minh bạch.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

	Năm 2010	Năm 2009
Thù lao Hội đồng quản trị	2.354.994.431	1.664.000.000

Thông tin giao dịch nội bộ

STT	Họ và tên	Đăng ký		Đã thực hiện bán		Số cổ phiếu đăng ký bán chưa thực hiện
		Thời gian	Số lượng cổ phiếu	Thời gian	Số lượng cổ phiếu	
1	Trần Thị Đào	09/10/2009 – 28/4/2010	28.900	09/10/2009 – 27/4/2010	28.900	
2	Nguyễn Kiêm Phương	04/06/2010 – 04/08/2010	16.300	04/06/2010 – 28/07/2010	16.300	

2. Thông tin về hoạt động của HĐQT và BKS

Hoạt động của HĐQT

Hội đồng Quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành, giữ ổn định, phát triển bền vững trong tình hình kinh tế nhiều biến động bất lợi cho doanh nghiệp.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức và tiến hành đúng Điều lệ công ty. Biên bản, Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên và được lưu giữ đúng theo quy định.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc đều là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Do đó, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất đồng bộ và có hiệu quả. Đây là một trong những ưu điểm giúp hoạt động quản trị công ty linh hoạt, nhất quán hơn. Ngoài ra với 02 thành viên HĐQT hoạt động độc lập nhưng tham gia nhiều ý kiến trong các vấn đề của HĐQT và đưa ra những nhận định, đánh giá khách quan trước khi HĐQT quyết định những vấn đề quan trọng.

Những phiên họp của HĐQT trong năm 2010

STT	Ngày	Thành viên tham dự	Những nội dung thông qua
1	06/05/2010	8/8 thành viên HĐQT Trưởng BKS	Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2010 và định hướng chiến lược quý II/2010 Lịch trình cơ bản phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 160 tỷ. Phương án thành lập các công ty con trực thuộc trên cả nước.
2	22/07/2010	8/8 thành viên HĐQT Trưởng BKS	Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và chiến lược 6 tháng cuối năm Nội dung phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và chương trình ESOP. Bổ nhiệm nhân sự và phương án lương mới.
3	13/10/2010	8/8 thành viên HĐQT Trưởng BKS	Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2010 và các định hướng chiến lược quý IV/2010 Tiêu chí phân bổ cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP Phát hành cổ phiếu cho chương trình ESOP và cổ đông hiện hữu quý IV/2010. Riêng việc phát hành cho cổ đông chiến lược sẽ thực hiện vào thời điểm thuận lợi. Quy chế tự in hóa đơn theo thông tư 153 Sửa đổi, bổ sung quy chế công tác phí của công ty Giao cho Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành bán cổ phiếu quỹ và cổ phiếu đầu tư không có định hướng hợp tác vào thời điểm thuận lợi.
4	12/11/2010	8/8 thành viên HĐQT 3/3 thành viên BKS	Phiên họp bất thường về xem xét lại năng lực của nhà phân phối tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động của BKS

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2010

Hoạt động	Thời gian
Kiểm soát thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông năm 2009	31/05/2010
Kiểm soát các báo cáo tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2010	25/06/2010
Kiểm soát các báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2010	22/07/2010
Kiểm soát các báo cáo tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2010	13/10/2010
Kiểm soát các báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2010	12/01/2011
Hợp với Hội Đồng Quản Trị - Quý 1/2010	06/05/2010

Hợp với Hội Đồng Quản Trị - Quý 2/2010	22/07/2010
Hợp với Hội Đồng Quản Trị - Quý 3/2010	13/10/2010
Hợp với Hội Đồng Quản Trị - Quý 4/2010	12/01/2011
Hợp với Hội Đồng Quản Trị Bất thường	12/11/2010
	25/06/2010
Thăm nhà máy Cephalosporin ở Bình Dương	18/02/2011
	20/07/2010
Thảo luận với kiểm toán nội bộ của Công Ty	15/02/2011
Thảo luận với kiểm toán độc lập của Công Ty	15/03/2011

Với chức năng Ban Kiểm soát là người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi mặt quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát công ty CPDP Imexpharm với ba thành viên trong đó Trưởng ban là đại diện của một nhà đầu tư chiến lược, các thành viên Ban kiểm soát với trình độ chuyên môn của mình đủ điều kiện thực hiện tốt mục tiêu đặt ra đó là đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; Bảo vệ quyền lợi cho Công ty và quyền bình đẳng giữa các Cổ đông;

Năm 2010 kinh tế thế giới vẫn chưa ổn định mà vẫn còn những diễn biến phức tạp, do đó đã có những ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế trong nước nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp dược nói riêng. Giá vàng và ngoại tệ thường xuyên biến động, giá nguyên liệu sản xuất thuốc liên tục tăng trong khi giá thuốc thành phẩm lại được giám sát chặt chẽ bởi nhà nước, vì thế áp lực trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dược là rất cao. Bằng kế hoạch làm giám sát của mình, năm 2010 Ban kiểm soát đã không ngừng thực hiện công tác giám sát mọi hoạt động kinh doanh của công ty, trên cơ sở kết quả kiểm toán nội bộ, hoạt động tài chính và các hoạt động kinh doanh khác. Trong năm 2010 Ban kiểm soát đã kịp thời có những báo cáo đánh giá chính xác tinh hình hoạt động sản xuất kinh doanh và có một số ý kiến cảnh báo những rủi ro cần khắc phục trong các báo cáo gồm: báo cáo thường xuyên tại mỗi kỳ họp Hội đồng quản trị, báo cáo về nhà phân phối, báo cáo về nhà máy Cefal Bình Dương, báo cáo về trả cổ tức năm 2009...

Các ý kiến của Ban kiểm soát đều được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc ghi nhận và có những điều chỉnh trong thực hiện năm 2010, kế hoạch năm 2011 cũng như chiến lược của nhiệm kỳ 2008-2012.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Sử dụng một cách hiệu quả các công cụ quản lý hiện đại, xây dựng và xác định chiến lược công ty theo Balance Score Card, SWOT.

Tăng cường hiệu quả và năng lực hoạt động của các tiểu ban trợ giúp cho Hội đồng quản trị: Ban cố vấn và thư ký, Ban kiểm toán nội bộ, Ban pháp chế.

Áp dụng quy chế Quản trị công ty.

Áp dụng hiệu quả các công cụ và biện pháp Quản trị rủi ro.

3. Các dữ liệu thống kê cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Ngày 31/12/2010)

STT	CỔ ĐÔNG	Số lượng cổ đông		Số lượng cổ phần		Tỷ lệ sở hữu	
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Tổng công ty Dược Việt Nam	1		3.036.160		26,04%	
II	Cổ đông trong công ty						
1	HĐQT		6		248.800		2,13%
	BTGD (Gồm 4 TV HĐQT)		4		226.800		1,95%
2	Ban Kiểm soát		2		7.770		0,07%
3	CBCNV khác		357		855.840		7,34%
4	Cổ phiếu quỹ						
II	Cổ đông ngoài công ty						
1	Cổ đông trong nước	8	617	1.076.940	978.260	9,24%	8,39%
2	Cổ đông nước ngoài	39	185	5.346.230	109.820	45,85%	0,94%
	Tổng cộng	48	1.167	9.459.330	2.200.490	81,13%	18,87%
			1.215		11.659.820		100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	6.203.770	53,21%	5.456.050	46,79%	11.659.820	100,00%
Trong đó:						
Cổ đông sở hữu trên 5%	3.808.290	32,66%	1.833.870	15,73%	5.642.160	48,39%
Cổ đông sở hữu từ 1%-5%	265.000	2,27%	3.077.260	26,39%	3.342.260	28,66%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	2.130.480	18,27%	544.920	4,67%	2.675.400	22,95%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam	138B Giảng Võ, Hà Nội	3.036.160	26,04%
FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS-TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	26,BOULEVARD ROYAL L-2449 LUXEMBOURG GRAND DUCHY OF LUXEMBOURG	917.610	7,87%
VietNam Holding LTD	81-85 Hàm Nghi, TP HCM	916.260	7,86%
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	72-74 Nguyễn T Minh Khai, TP HCM	772.130	6,62%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TỪ 1%-5% VỐN CỔ PHẦN

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
BALESTRAND LIMITED	# 1901 CAO OC ME LINH POINT,2 NGO DUC KE QUAN 1, TP HCM VIETNAM	465.490	3,99%
JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	PO BOX 484 STRATHVALE HOUSE, NORTH CHURCH STREET, GRAND CAYMAN, CAYMAN ISLANDS, BRITISH WEST INDIES	433.500	3,72%
MIRAE ASSET MAPS OPPORTUNITY VIETNAM EQUITY BALANCED FUND 1	12TH FLOOR, MIRAEASSET BUILDING, 45-1, YEOUIDO-DONG	391.080	3,35%
LIONGLOBAL VIETNAM FUND	20 Cecil Street #28-01 Equity Plaza Singapore 049705	342.640	2,94%
TEMPLETON GLOBAL INVESTMENT TRUST- TEMPLETON EMERGING MARKETS SMALL CAP FUND	500 EAST BROWARD BOULEVARD, FORT LAUDERDALE,FLORIDA 33394-3091	275.300	2,36%
SIGLAP LIMITED	SECOND FLOOR ZEPHYR HOUSE, 122 MARY STREET, PO BOX 709, GEORGE TOWN, GRAND CAYMAN KY 1 - 1107, CAYMAN ISLANDS	272.720	2,34%
VIETNAM LOTUS FUND LIMITED	CARD CORPORATION SERVICES LTD, PO BOX 709 GT ZEPHYR HOUSE, 122 MARY STREET, GEORGE TOWN, GRAND CAYMAN, KY1-1107, CAYMAN ISLANDS	218.450	1,87%
GREYSTANES LIMITED	SECOND FLOOR ZEPHYR HOUSE, 122 MARY STREET, PO BOX 709, GEORGE TOWN, GRAND CAYMAN KY 1 - 1107, CAYMAN ISLANDS	204.150	1,75%
CITIGROUP GLOBAL MARKETS FINANCIAL PRODUCTS LLC	388 Greenwich Street, New York, 10013 U.S	168.830	1,45%
TEMPLETON GLOBAL INVESTMENT TRUST- TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	500 EAST BROWARD BOULEVARD SUITE 2100,FORT LAUDERDALE FLORIDA 33394,USA	155.100	1,33%
PXP VIETNAM FUND LIMITED	Cayman Isl	150.000	1,29%
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	145.000	1,24%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam	138B Giảng Võ, Hà Nội	3.036.160	26,04%
Trần Thị Đào	5 Trương Định, P.1, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp	80.000	0,69%
Trần Thái Hoàng	103 Nguyễn Trãi, P.2, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp	48.400	0,42%
Nguyễn Quốc Định	97 Hùng Vương, P.2, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp	60.000	0,51%
Nguyễn Thị Thu Hồng	191A – 93B Lạc Long Quân, P.3, Q.11, Tp.HCM	38.400	0,33%
Nguyễn Kiêm Phương	56 Lý Thường Kiệt, P.2, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp	20.000	0,17%
Lưu Thị Hạnh	Số 4 Đường 30 tháng 04, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	18.500	0,16%
Hoàng Thị Phòn	36 Chu Văn An, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, AG	14.520	0,12%

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

I. Trách nhiệm xã hội

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Imexpharm luôn chia sẻ với cộng đồng bằng các hoạt động như: Chương trình khuyến học Imexpharm, Học Bổng Đặng Thùy Trâm, giải thưởng Huỳnh Thúc Kháng tại TP Đà Nẵng, khám chữa bệnh miễn phí, ăn tết với người nghèo, xây nhà tình thương, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, ... Công ty luôn dành một khoản ngân sách nhất định mỗi năm khoảng 1,5 - 2 tỉ đồng cho các hoạt động trên. Imexpharm có thể tự hào là một trong những công ty Dược rất quan tâm đến nguồn nhân lực trẻ của đất nước thông qua các chương trình khuyến học và luôn nhận được sự ủng hộ của cộng đồng trên cả nước.

Những hoạt động lớn trong năm 2010 như sau:

Khám chữa bệnh miễn phí

Đối với bà con nghèo vùng sâu, vùng xa, chăm sóc y tế là một nhu cầu rất cần thiết nhưng không dễ thực hiện, nhất là khám chữa bệnh tại những nơi uy tín ở Thành phố Hồ Chí Minh. Thấu hiểu điều này, với trách nhiệm của một doanh nghiệp ngành dược phẩm, năm 2010 Imexpharm tiếp tục phối hợp cùng với đội ngũ y, bác sĩ của Đoàn trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh tổ chức khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí và tư vấn giải pháp điều trị, chăm sóc sức khỏe cho hơn 8.000 bệnh nhân nghèo ở các vùng sâu, vùng xa như: Đức Linh - Bình Thuận; Nhà Bè và Thủ Đức - Tp.HCM; Bình Đại - Bến Tre; Vũng Liêm - Vĩnh Long; Trà Cú và Cầu Ngang - Trà Vinh; Tân Châu, Long Xuyên và Vĩnh Hòa - An Giang; Sa Đéc, Châu Thành và Hồng Ngự - Đồng Tháp; ... Sự nhiệt tình, tận tâm chu đáo của đội ngũ nhân viên Imexpharm cùng với tay nghề chuyên môn cao và tấm lòng nhân ái tận tâm với nghề của các y bác sĩ đã làm cho chương trình khám chữa bệnh thành công, được các bệnh nhân và giới chức y tế địa phương đánh giá cao. Tổng kinh phí dành cho chương trình này năm 2010 hơn 400 triệu đồng.

Học bổng khuyến học

Hoạt động khuyến học của Imexpharm từ lâu đã phát triển mạnh mẽ và được cộng đồng tích cực hưởng ứng và ghi nhận. Tiếp tục truyền thống đó, năm 2010 là năm thứ 8 Imexpharm tổ chức trao học bổng cho con em khách hàng cả nước có thành tích học tập tốt, và đặc biệt là trao học bổng khuyến học cho học sinh Đồng Tháp vượt lên hoàn cảnh khó khăn học giỏi. Hoạt động này cũng góp phần nâng cao tinh thần học tập của học sinh, sinh viên miền Tây nam bộ, nơi khởi nguồn của Imexpharm. Đây cũng là năm Imexpharm trao học bổng Huỳnh Thúc Kháng lần 4 tại Đà Nẵng.

Tổng kinh phí khuyến học năm 2010 trên 1,5 tỷ đồng.

Giải quần vợt ngành Y tế Đồng Bằng Sông Cửu Long

Tiếp tục phong trào bảo vệ sức khỏe cán bộ công nhân viên ngành Y dược, Giải quần vợt ngành Y tế Đồng Bằng Sông Cửu Long tranh Cup Imexpharm lần 3 năm 2010 đã được tổ chức tại Bạc Liêu, thu hút hơn 150 vận động viên tham dự. Ngoài thành công của giải này, Imexpharm còn tổ chức Giải cầu lông ngành Y tế Cần Thơ lần 3, cũng thu hút gần 150 vận động viên tham gia.

Tổng kinh phí cho các giải này năm 2010 là 350 triệu đồng.

II. Quan hệ với nhà đầu tư

Trong năm qua, Imexpharm đã gặp gỡ, trao đổi thông tin và lắng nghe ý kiến tư vấn từ các nhà đầu tư sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại
1	Công ty CP chứng khoán Bảo Việt – CN Tp.HCM	Lầu 8, 233 Đồng Khởi, Q.1, TP.HCM	08.39146888
2	Công ty chứng khoán Công Thương – CN Tp.HCM	Lầu 1, 63 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP.HCM	08.38200910
3	Công ty CP chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 1,2 &3, Cao Ốc Capital Place, 6 Thái Văn Lung, Q.1, Tp.HCM	08.38233299
4	Viet Capital Asset Management	Lầu 2, 19/F, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, Tp.HCM	08.38239909
5	Hanoi Fund Management	Lầu 4, 75-77 Calmette, Q.1, Tp.HCM	08.4043128
6	Công ty chứng khoán Sacombank	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	08.62686868
7	Công ty CP chứng khoán Vina	Tầng 5, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM	08.38278278
8	APS Asset Management PTE LTD	3 Ansan Road, 2301 Springleaf Tower, Singapore	0065.63338600
9	Viet Fund Management	Lầu 10, Cao Ốc Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	08.38251488
10	Vietnam Asset Management Limited	Phòng 11-08, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Q.1, Tp.HCM	08.39103787
11	PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.	Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	08.38230796
12	Bao Viet Fund	8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	04.39289589
13	PXP Vietnam Asset Management	Tầng 6, Opera View Building, 161 Đồng Khởi, Q.1, Tp.HCM	08.38276040

Không chỉ gặp gỡ trao đổi thông tin, các nhà đầu tư còn đưa ra nhiều tư vấn về định hướng chiến lược, quản trị công ty, phát triển sản phẩm... cho Imexpharm. Công ty luôn trân trọng và lắng nghe ý kiến quý báu của các nhà đầu tư.

Đối với cổ đông, Imexpharm có bộ phận Quan hệ cổ đông để giải đáp mọi thắc mắc, cũng như gửi thư cho cổ đông về những vấn đề có liên quan cổ tức, họp Đại hội đồng cổ đông... Ngoài ra mọi thông tin hoạt động của Imexpharm, báo cáo tài chính, báo cáo hay giải trình cho Ủy Ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, thông cáo báo chí... đều được cập nhật nhanh chóng trên trang web www.imexpharm.com, mục Thông tin cổ đông và Thông tin tài chính.

Đối với đối tác nhượng quyền, các cuộc gặp gỡ năm 2010 đã mang đến các thành quả sau: Ký thêm Phụ lục 3 Hợp đồng hợp tác sản xuất với Pharmascience – Canada để bổ sung thêm danh mục sản phẩm; ký thêm Phụ lục 2 Hợp đồng hợp tác sản xuất với ACS-Dobfar – Ý, bổ sung thêm danh mục sản phẩm; ngoài ra còn tiếp ban đầu với các đối tác là Chemo – Tây Ban Nha, và Actavis - Iceland.

PHỤ LỤC

SẢN PHẨM IMEXPHARM – SÁNH VAI CÙNG CÁC THƯƠNG HIỆU DƯỢC PHẨM HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI

Claminat

Khánh sinh được giới chuyên môn tin dùng

Được giới chuyên môn y dược đánh giá cao về chất lượng điều trị, với tiêu chuẩn tương đương sinh học so với tiêu chuẩn tương đương sinh học so với sản phẩm gốc (Augmentine của GSK). Claminat đã góp phần lớn trong việc điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp trên hiệu quả cho người Việt Nam với chi phí thấp hơn so với sử dụng thuốc ngoại.

Các hội thảo về sản phẩm được tổ chức rộng khắp đã được sự quan tâm chào đón và tiếp nhận nhiệt tình của giới chuyên môn y dược giúp Claminat ngày càng được tin dùng trong điều trị. Quan trọng hơn hết, hiệu quả rõ rệt sau điều trị so với các sản phẩm khác góp phần làm cho thương hiệu Claminat ngày càng nâng cao đóng góp doanh số lớn cho Imexpharm, là sản phẩm dẫn đầu trong nhóm hàng kháng sinh.

Probio

Giúp cân bằng các vi khuẩn có ích ở ruột – Thương hiệu hàng đầu trong ngành men vi sinh

Với lợi thế sản phẩm chất lượng cao, thương hiệu sản phẩm uy tín, giá cả hợp lý được giới chuyên môn và khách hàng tin tưởng sử dụng. Probio được đầu tư thương hiệu sản phẩm qua các hoạt động giới thiệu sản phẩm đến giới chuyên môn, quảng cáo khuyến mại ấn tượng, hấp dẫn cho người bán hàng và quảng cáo trực tiếp đến người tiêu dùng.

Với sự đầu tư đó, Probio đã có sự tăng trưởng doanh số cao và ổn định các năm qua. Sản phẩm Probio ngày càng được sử dụng rộng rãi, có thị phần lớn và trở thành một sản phẩm men vi sinh hàng đầu theo số liệu của các công ty nghiên cứu thị trường.

Cedipect

Giảm triệu chứng ho và giúp long đàm – Thương hiệu của sự tin tưởng

Mặc dù không được đầu tư quảng bá nhiều cho sản phẩm này nhưng với chất lượng cao của sản phẩm, hiệu quả trong điều trị triệu chứng ho và giúp long đàm nên được khách hàng, thị trường chấp nhận.

Năm 2008 sản phẩm này chỉ đạt doanh số 2,9 tỷ đồng, năm 2009 doanh số tăng vọt lên 12,5 tỷ và năm 2010 là 15 tỷ đồng. Điều này cho thấy chất lượng sản phẩm đã tạo lòng tin đối với khách hàng, từ đó sản phẩm Cedipect góp phần tăng doanh số của Imexpharm.

Imeclor

Kháng sinh thuộc nhóm Cephalosporin

Với tiêu chuẩn tương đương sinh học so với sản phẩm gốc (Ceclor của Lilly), được tổ chức các cuộc hội thảo khắp nơi và được giới chuyên môn tin dùng. Imeclor rất hiệu quả trong điều trị viêm tai giữa, nhiễm trùng da, nhiễm trùng đường tiết niệu với chi phí hợp lý nên được giới chuyên môn, khách hàng, thị trường chấp nhận góp phần tăng doanh số cho Imexpharm.